**MỤC LỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **LĨNH VỰC** | **TRANG** |
| 1 | Đầu tư tại Việt Nam | 2 |
| 2 | Việc làm | 39 |
| 3 | Xây dựng | 49 |
| 4 | Thương mại Quốc tế | 64 |
| 5 | Môi trường | 76 |
| 6 | Liên thông cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1, số 2 – cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài | 105 |

**LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM**

**Mẫu I.1**

**Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư**

*(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)*

**CỘNG** **HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**Kính gửi:** Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

Tên Công ty: SPEED HAIR PRODUCTS .LTD

Được thành lập ngày: 25/12/2007; số giấy phép: 91511600669570822M,

Địa chỉ trụ sở: Thôn Hợp Lực, Văn phòng Cổ Kiều, thành phố Hoa Oanh, tỉnh Tứ Xuyên. Trung Quốc.

Điện thoại: 886-3-420-3622 Email: pro@ms81.hinet.net

Đại diện bởi: Ông CHONG KIU WAY: chức vụ Giám đốc, sinh ngày 23 tháng 3 năm 1959, quốc tịch Trung Quốc, hộ chiếu số KJ0000864 cấp ngày 12 / 02 / 2007 tại Trung Quốc, địa chỉ thường trú tại Thôn Hợp Lực, Văn phòng Cổ Kiều, thành phố Hoa Oanh, tỉnh Tứ Xuyên. Trung Quốc.

Điện thoại:  82-55-3388559, Fax:  82-55-3388560. Email: King@yahoo.com.kr

**II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (trường hợp gắn với thành lập tổ chức kinh tế)**

**1. Loại hình tổ chức kinh tế:** Công ty TNHH Một thành viên

**2. Vốn điều lệ:** (*bằng số*): 3.349.500.000 VNĐ và tương đương 150.000 USD

\*tỷ giá tạm tính ngày 19/9/2016: 22.330VND/USD

**3. Tỷ lệ vốn góp của từng nhà đầu tư:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà đầu tư** | **Số vốn góp** | | **Tỷ lệ (%)** |
| **VNĐ** | **Tương đương USD** |
|  | CÔNG TY TNHH …….. | 3.349.500.000 | 150.000 | 100 |

1. **Ngành nghề:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mục tiêu hoạt động** | **Mã ngành theo VSIC** | **Mã ngành CPC** |
| 01 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu  Chi tiết: Sản xuất tóc giả và phụ kiện tóc | **3290** |  |

**III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**Tên dự án đầu tư**: NHÀ MÁY SẢN XUẤT .......VIỆT NAM

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

**IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của Hồ sơ đầu tư và các văn bản sao gửi cơ quan quản lý nhà nước.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

**V. HỒ SƠ KÈM THEO**

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư.

- Các hồ sơ liên quan khác *(nếu có)*

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại Đồng Nai, ngày 19 tháng 09 năm 2016  CÔNG TY TNHH ....... VIỆT NAM  TỔNG GIÁM ĐỐC |

(Người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp, ghi rõ họ tên,đóng dấu và giáp lai văn bản)

**Mẫu I.2**

**Đề xuất dự án đầu tư**

*(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư*

*điều 3, 24, 35 Luật Đầu tư)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư*

*Ngày 30 tháng 12 năm 2016)*

**I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ:**

**1. Nhà đầu tư thứ nhất:**

**a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên: …A……………… Giới tính: .......Nam...........

Sinh ngày: …02… /…01 / 1965……. Quốc tịch: …Hàn Quốc………….

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: 131143608

Ngày cấp: 06 /..02/ 2010…, Nơi cấp: …..Hàn Quốc…..

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú: 51, 29 Beon-gil, Sinsan-ro, Saha-gu, Busan Metropolitan, Korea.

Chỗ ở hiện tại: Lô C6, đường số 7, KCN Long Bình, Biên Hòa, T Đồng Nai.

Điện thoại: ……………. Fax: ………………. Email: ………………………

**b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:**

Tên doanh nghiệp/tổ chức: ………..Co., LTD

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: NBD/11660

Ngày cấp: 29/10/2010 , Cơ quan cấp: Brunei Darussalam.

Địa chỉ trụ sở: Rm 51, 5th Floor, Britannia House,Jalan Cator, Bandar Seri Begawan BS 8811, Negara Brunei Darussalam.

Điện thoại: +886932045569 Fax: ….. Email: wu932045569@yahoo.com Website: www.chientabolt.com

**Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:**

Họ tên: …..A…. Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc Sinh ngày: 30/06/1971 Quốc tịch: Trung Quốc(Đài Loan).

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: 300540650

Ngày cấp: 29 / Jul/2009 Nơi cấp: Taipei City

Địa chỉ thường trú: ……………., Lane 297, Chu – Lin Road, Linkou,Taipei County 244, Taiwan.

Chỗ ở hiện tại: …….., đường số 7, KCN Long Bình, Biên Hòa, T Đồng Nai

Điện thoại: 0918 262 569 Fax: 0613 993908 Email: [lee@chientabolt.com](mailto:lee@chientabolt.com)

**2. Nhà đầu tư tiếp theo:** thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất………………….

**Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:**

**II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU**

1. **Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:** 
   1. Tên dự án:

**DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT ...A.... VINA ĐỒNG NAI**

* 1. Địa điểm thực hiện dự án: Lô số....., đường số ......, KCN An Phước, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Diện tích sử dụng: 1.400 m2

**2. Mục tiêu dự án:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mục tiêu hoạt động** | **Tên ngành**  *(Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)* | **Mã ngành theo VSIC**  *(Mã ngành cấp 4)* | **Mã ngành CPC (\*)**  *(đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)* |
| 1 | Sản xuất các loại khuôn đúc | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 2599 |  |
| 2 | Sản xuất linh kiện máy hút bụi (ống nối, bàn chải, nắp đậy, …) | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 2220 |  |
| 3 | - Sản xuất hộp nhựa Danpla, tấm, xốp chèn | - Sản xuất sản phẩm từ plastic | 2220 |  |

*Ghi chú:*

*- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.*

*- (\*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.*

**3. Quy mô đầu tư:**

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Diện tích sử dụng: 1.400 m2

- Công suất thiết kế:

+ Sản xuất, sửa chữa các loại khuôn đúc, quy mô 500 sản phẩm/năm, tương đương khoảng 400 tấn/năm.

+ Sản xuất, lắp ráp linh kiện máy hút bụi (ống nối, bàn chải, nắp đậy, …), quy mô 450 tấn/năm.

+ Sản xuất hộp nhựa danpla, tấm, khuôn cao su, xốp chèn, quy mô 450 tấn/năm.

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Sản xuất các loại khuôn đúc; Sản xuất linh kiện máy hút bụi (ống nối, bàn chải, nắp đậy, …); Sản xuất hộp nhựa danpla, tấm, khuôn cao su, xốp chèn; Gia công, lắp ráp bàn làm việc, bàn thao tác; Gia công, lắp ráp các loại máy dùng trong công nghiệp; Gia công, lắp ráp linh kiện điện, điện tử dùng cho điện thoại di động và các thiết bị điện, điện tử khác như: bo mạch điện tử, các loại rơ le

- Quy mô kiến trúc xây dựng: Văn phòng và nhà xưởng sản xuất 1.400 m2

**4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất***(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đấttheoquy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)*

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất *(địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);*

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất*(nếu có)*;

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất *(lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)*

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5.Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai*.*

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư*(nếu có):*

**5. Vốn đầu tư:**

5.1. Tổng vốn đầu tư: Tổng vốn đầu tư: 890.400.000.000 (tám trăm chín mươi tỷ, bốn trăm triệu) đồng Việt Nam, tương đương 40.000.000 (bốn mươi triệu) đô la Mỹ. (Tỷ giá bán ra của Ngân hàng Nhà nước ngày 1 /12/2016 là: 1USD = 22.300VNĐ), trong đó:

a) Vốn cố định: ................. VNĐ *(Sáu tỷ không trăm hai mươi mốt triệu đồng Việt Nam*)và tương đương ............... USD *(Hai trăm bảy mươi ngàn đô la Mỹ).*

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư *(nếu có)*:

- Chi phí thuê đất, mặt nước,…:

- Chi phí xây dựng công trình:

- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;

- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.

- Chi phí dự phòng;

Cộng: ………………………..

b) Vốn lưu động: ................... VNĐ *(Mười sáu tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu đồng Việt Nam*)và tương đương ................ USD *(Hai trăm ba mươi ngàn đô la Mỹ).*

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà đầu tư** | **Số vốn góp** | | **Tỷ lệ (%)** | **Phương thức góp vốn (\*)** | **Tiến độ góp vốn** |
| **VNĐ** | **Tương đương USD** |
| 1 | CÔNG TY TNHH ...A...VINA | ……….. | ……. | *100%* | Tiền mặt | Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư |

b) Vốn huy động: ................. VNĐ *(Mười sáu tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu đồng Việt Nam*)và tương đương ..................... USD (Bảy trăm ba mươi ngànđô la Mỹ*). (Tỷ giá bán ra của Ngân hàng Nhà nước ngày ..../01/2017 là: 1USD = 22.300VNĐ)*

- Phương pháp huy động vốn: Vốn huy động sẽ được vay từ các ngân hàng thương mại hoặc tổ chức tín dụng trong và ngoài nước phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

c) Vốn khác: Không (hoặc nếu có)

**6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:** 25 *(hai mươi lăm)* năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

**7. Tiến độ thực hiện dự án:** Dự kiến đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh vào tháng 8/2018.

**8. Nhu cầu về lao động:** Dự án dự định sử dụng 56 lao động, trong đó:

- Lao động nước ngoài: 06 lao động;

- Lao động Việt Nam: 50 lao động.

**9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án**

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ....).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**10. Giải trình về sử dụng công nghệ:***(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)*

- Tên công nghệ;

- Xuất xứ công nghệ;

- Sơ đồ quy trình công nghệ;

- Thông số kỹ thuật chính;

- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;

- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;

- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

**11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài***(nếu có): …………*

**III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ** *(ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)*

**1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*:...

**2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*:...

**3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*:

**4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư** *(nếu có)***:** ..................................................................

Làm tại ……., ngày ….. tháng …..năm……

**Nhà đầu tư**

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên,chức danh, ký nháy từng trang hoặc đóng dấu *(nếu có)*

**Mẫu I.3**

**Đề xuất dự án đầu tư**

*(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư*

*Khoản 2 điều 37 Luật Đầu tư)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư*

*Ngày 30 tháng 12 năm 2016)*

**I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ:**

**1. Nhà đầu tư thứ nhất:**

**a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên: …A……………… Giới tính: .......Nam...........

Sinh ngày: …02… /…01 / 1965……. Quốc tịch: …Hàn Quốc………….

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: 131143608

Ngày cấp: 06 /..02/ 2010…, Nơi cấp: …..Hàn Quốc…..

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú: 51, 29 Beon-gil, Sinsan-ro, Saha-gu, Busan Metropolitan, Korea.

Chỗ ở hiện tại: Lô C6, đường số 7, KCN Long Bình, Biên Hòa, T Đồng Nai.

Điện thoại: ……………. Fax: ………………. Email: ………………………

**b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:**

Tên doanh nghiệp/tổ chức: ………..Co., LTD

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: NBD/11660

Ngày cấp: 29/10/2010 , Cơ quan cấp: Brunei Darussalam.

Địa chỉ trụ sở: Rm 51, 5th Floor, Britannia House,Jalan Cator, Bandar Seri Begawan BS 8811, Negara Brunei Darussalam.

Điện thoại: +886932045569 Fax: ….. Email: wu932045569@yahoo.com Website: www.chientabolt.com

**Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:**

Họ tên: …..A…. Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc Sinh ngày: 30/06/1971 Quốc tịch: Trung Quốc(Đài Loan).

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: 300540650

Ngày cấp: 29 / Jul/2009 Nơi cấp: Taipei City

Địa chỉ thường trú: ……………., Lane 297, Chu – Lin Road, Linkou,Taipei County 244, Taiwan.

Chỗ ở hiện tại: …….., đường số 7, KCN Long Bình, Biên Hòa, T Đồng Nai

Điện thoại: 0918 262 569 Fax: 0613 993908 Email: [lee@chientabolt.com](mailto:lee@chientabolt.com)

**2. Nhà đầu tư tiếp theo:** thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất………………….

**Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:**

**II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU**

1. **Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:** 
   1. Tên dự án:

**DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT ...A.... VINA ĐỒNG NAI**

* 1. Địa điểm thực hiện dự án: Lô số....., đường số ......, KCN An Phước, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Diện tích sử dụng: 1.400 m2

**2. Mục tiêu dự án:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mục tiêu hoạt động** | **Tên ngành**  *(Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)* | **Mã ngành theo VSIC**  *(Mã ngành cấp 4)* | **Mã ngành CPC (\*)**  *(đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)* |
| 1 | Sản xuất các loại khuôn đúc | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu | 2599 |  |
| 2 | Sản xuất linh kiện máy hút bụi (ống nối, bàn chải, nắp đậy, …) | Sản xuất sản phẩm từ plastic | 2220 |  |
| 3 | - Sản xuất hộp nhựa Danpla, tấm, xốp chèn | - Sản xuất sản phẩm từ plastic | 2220 |  |

*Ghi chú:*

*- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.*

*- (\*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.*

**3. Quy mô đầu tư:**

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Diện tích sử dụng: 1.400 m2

- Công suất thiết kế:

+ Sản xuất, sửa chữa các loại khuôn đúc, quy mô 500 sản phẩm/năm, tương đương khoảng 400 tấn/năm.

+ Sản xuất, lắp ráp linh kiện máy hút bụi (ống nối, bàn chải, nắp đậy, …), quy mô 450 tấn/năm.

+ Sản xuất hộp nhựa danpla, tấm, khuôn cao su, xốp chèn, quy mô 450 tấn/năm.

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Sản xuất các loại khuôn đúc; Sản xuất linh kiện máy hút bụi (ống nối, bàn chải, nắp đậy, …); Sản xuất hộp nhựa danpla, tấm, khuôn cao su, xốp chèn; Gia công, lắp ráp bàn làm việc, bàn thao tác; Gia công, lắp ráp các loại máy dùng trong công nghiệp; Gia công, lắp ráp linh kiện điện, điện tử dùng cho điện thoại di động và các thiết bị điện, điện tử khác như: bo mạch điện tử, các loại rơ le

- Quy mô kiến trúc xây dựng: Văn phòng và nhà xưởng sản xuất 1.400 m2

**4. Vốn đầu tư:**

4.1. Tổng vốn đầu tư: 22.300.000.000 VNĐ *(Hai mươi hai tỷ ba trăm triệu đồng Việt Nam*)và tương đương 1.000.000 USD *(Một triệu đô la Mỹ)*. *(Tỷ giá bán ra của Ngân hàng Nhà nước ngày 1 /12/2016 là: 1USD = 22.300VNĐ)*, trong đó:

a) Vốn cố định: 6.021.000.000 VNĐ *(Sáu tỷ không trăm hai mươi mốt triệu đồng Việt Nam*)và tương đương 270.000 USD *(Hai trăm bảy mươi ngàn đô la Mỹ).*

b) Vốn lưu động: 16.279.000.000 VNĐ *(Mười sáu tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu đồng Việt Nam*)và tương đương 730.000 USD *(Hai trăm ba mươi ngàn đô la Mỹ).*

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà đầu tư** | **Số vốn góp** | | **Tỷ lệ (%)** | **Phương thức góp vốn (\*)** | **Tiến độ góp vốn** |
| **VNĐ** | **Tương đương USD** |
| 1 | CÔNG TY TNHH ...A...VINA | 6.021.000.000 | 270.000 | *100%* | Tiền mặt | Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư |

b) Vốn huy động: 16.279.000.000 VNĐ *(Mười sáu tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu đồng Việt Nam*)và tương đương 730.000 USD (Bảy trăm ba mươi ngànđô la Mỹ*). (Tỷ giá bán ra của Ngân hàng Nhà nước ngày ..../01/2017 là: 1USD = 22.300VNĐ)*

- Phương pháp huy động vốn: Vốn huy động sẽ được vay từ các ngân hàng thương mại hoặc tổ chức tín dụng trong và ngoài nước phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

c) Vốn khác: Không (hoặc nếu có)

**5. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:** 25 *(hai mươi lăm)* năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

**6. Tiến độ thực hiện dự án:** Dự kiến đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh vào tháng 8/2018.

**7. Nhu cầu về lao động:** Dự án dự định sử dụng 56 lao động, trong đó:

- Lao động nước ngoài: 06 lao động;

- Lao động Việt Nam: 50 lao động.

**8. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:**

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ....).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**9. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài** *(nếu có): ………..*

**III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ** *(ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)*

**1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*:..

**2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*:..

**3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*:.

**4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư** *(nếu có)***:** ..................................................................

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại ……., ngày ….. tháng …..năm……  **Nhà đầu tư**  Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên,chức danh, ký nháy từng trang hoặc đóng dấu *(nếu có)* |

**Mẫu I.4**

*Văn bản đăng ký góp vốn/mua cổ phần/phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài*

*(Điểm a Khoản 2 Điều 26 Luật đầu tư)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**VĂN BẢN ĐĂNG KÝ GÓP VỐN/MUA CỔ PHẦN/PHẦN VỐN GÓP**

Kính gửi: SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH ĐỒNG NAI

Nhà đầu tư đăng ký góp vốn/mua cổ phần/mua lại phần vốn góp vào CÔNG TY TNHH .............. với các nội dung như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

**1. Nhà đầu tư thứ nhất:**

*a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:*

Họ tên (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*): ...................... Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 14/ 01/ 1980, Quốc tịch: Hàn Quốc.

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số: M07568216

Ngày cấp: 18 / 01 / 2011 Nơi cấp: Hàn Quốc

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú: …126- 802 XI A.P.T, Banpo 1 Dong, Seocho-Gu, Seoul, Korea.

Chỗ ở hiện tại: 126- 802 XI A.P.T, Banpo 1 Dong, Seocho-Gu, Seoul, Korea.

Điện thoại: 008.698.200999….Fax: ……………….Email: ………………………

*b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:*

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*): ……………..., LTD

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập: 124-81-26760

Do: Hàn Quốc Cấp/phê duyệt ngày 07 tháng 01 năm 1995

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: 20-4, Buk-Ri

Xã/Phường/Thị trấn: Namsa-Myeon, Cheoin-Gu

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Young-In-Si

Tỉnh/Thành phố: Gyeonggi-Do

Quốc gia: Korea

Điện thoại: 800.789267 Fax:

Email: Website:

***Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:***

- Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): ………….. Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 24/01/1954 Dân tộc: Hàn Quốc tịch: Hàn Quốc

Số giấy chứng thực cá nhân: Hộ chiếu số GK1672701

Ngày cấp: 05/12/2005 Ngày hết hạn: 05/12/2015 Nơi cấp: Hàn Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: 4101-103 Daewon Cantavil

Xã/Phường/Thị trấn: Eeunmok Vilage, Jung-Dong

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Gihung-Gu, Yong-In-Si

Tỉnh/Thành phố: Gyeonggi-do

Quốc gia: Korea

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: 4101-103 Daewon Cantavil

Xã/Phường/Thị trấn: Eeunmok Vilage, Jung-Dong

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Gihung-Gu, Yong-In-Si

Tỉnh/Thành phố: Gyeonggi-do

Quốc gia: Korea

Điện thoại: …………….Fax: ……………….Email: ………………………

**2. Nhà đầu tư tiếp theo** *(thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):*

**II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ NHẬN GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN, PHẦN VỐN GÓP:**

**1. Tên tổ chức kinh tế** *(ghi bằng chữ in hoa)***:**

- Tên bằng tiếng Việt*:* **CÔNG TY TNHH ..............VINA**

- Tên bằng tiếng nước ngoài *(nếu có): ............***VINA PRECISION CO., LTD**

- Tên viết tắt *(nếu có): ……………………………………………………………*

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3602648989

**3. Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH hai thành viên**

**4. Địa chỉ trụ sở chính:** Lô số.....,đường số 01, KCN Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**5.Ngành, nghề kinh doanh:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên ngành** | **Mã ngành theo VSIC** | **Mã ngành CPC** |
| 1 | Đúc sắt thép:  Sản xuất các loại đầu thép nối các cọc bê tông | 2431 |  |
| 2 | Sản xuất các kết cấu kim loại:  Sản xuất các sản phẩm thép dùng trong ngành xây dựng | 2511 |  |

**6. Vốn điều lệ** (*bằng số*): 22.470.000.000 VNĐ và tương đương 1.400.0000 USD *(nếu có).*

**7. Tỷ lệ hiện hữu về sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà đầu tư** | **Số vốn góp** | | **Tỷ lệ (%)** |
| **VNĐ** | **Tương đương USD** |
| 01 | …… PRECISION CO., LTD | 14.605.500.000 | 910.000 | 65 |
| 02 | …..HYDRAULIC CO., LTD | 7.864.500.000 | 490.000 | 35 |
| Tổng | | 22.470.000.000 | 1.400.000 | 100 |

**III. TỶ LỆ SỞ HỮU VỐN ĐIỀU LỆ CỦA TỪNG NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI SAU KHI GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN, PHẦN VỐN GÓP:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà đầu tư** | **Số vốn góp** | | **Tỷ lệ (%)** |
| **VNĐ** | **Tương đương USD** |
| 01 | ………. PRECISION CO., LTD | 22.470.000.000 | 1.400.000 | 100 |

**IV. GIẢI TRÌNH VIỆC ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** *(nếu có)***.**

*(Giải trình về đáp ứng điều kiện về tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ; Hình thức đầu tư, phạm vi hoạt động, đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư và điều kiện khác theo quy định của điều ước quốc tế)*

**V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:**

1. Về tính chính xác của nội dung của hồ sơ đầu tư

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

**VI. HỒ SƠ KÈM THEO**

Hồ sơ quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 26 Luật Đầu tư.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại Long Thành, ngày 16 tháng 01 năm 2017  **Đại diện theo Pháp luật của Công ty**  **Tổng giám đốc**  (Người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp, ghi rõ họ tên,đóng dấu và giáp lai văn bản) |

**Mẫu I.6**

**Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư**

*(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

*(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)*

Kính gửi: BAN QUẢN LÝ CÁC KCN TỈNH ĐỒNG NAI

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

**1. Nhà đầu tư thứ nhất:**

**a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên: …A……………… Giới tính: .......Nam...........

Sinh ngày: …02… /…01 / 1965……. Quốc tịch: …Hàn Quốc………….

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: 131143608

Ngày cấp: 06 /..02/ 2010…, Nơi cấp: …..Hàn Quốc…..

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú: 51, 29 Beon-gil, Sinsan-ro, Saha-gu, Busan Metropolitan, Korea.

Chỗ ở hiện tại: Lô C6, đường số 7, KCN Long Bình, Biên Hòa, T Đồng Nai.

Điện thoại: ……………. Fax: ………………. Email: ………………………

**b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:**

Tên doanh nghiệp/tổ chức: ………..Co., LTD

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: NBD/11660

Ngày cấp: 29/10/2010 , Cơ quan cấp: Brunei Darussalam.

Địa chỉ trụ sở: Rm 51, 5th Floor, Britannia House,Jalan Cator, Bandar Seri Begawan BS 8811, Negara Brunei Darussalam.

Điện thoại: +886932045569 Fax: ….. Email: wu932045569@yahoo.com Website: www.chientabolt.com

**Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:**

Họ tên: …..A…. Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc Sinh ngày: 30/06/1971 Quốc tịch: Trung Quốc(Đài Loan).

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: 300540650

Ngày cấp: 29 / Jul/2009 Nơi cấp: Taipei City

Địa chỉ thường trú: ……………., Lane 297, Chu – Lin Road, Linkou,Taipei County 244, Taiwan.

Chỗ ở hiện tại: …….., đường số 7, KCN Long Bình, Biên Hòa, T Đồng Nai

Điện thoại: 0918 262 569 Fax: 0613 993908 Email: [lee@chientabolt.com](mailto:lee@chientabolt.com)

**2. Nhà đầu tư tiếp theo:** thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất…..

**II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**1. Tên tổ chức kinh tế:** CÔNG TY TNHH ………….

**2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:** 472023000524 do BQL các KCN Đồng Nai cấp lần đầu ngày: 10/07/2002.

**III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:**

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư NHÀ MÁY SẢN XUẤT……..với nội dung như sau:

**1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên giấy** | **Số giấy/Mã số dự án** | **Ngày cấp** | **Cơ quan cấp** | **Ghi chú**  *(Còn hoặc hết hiệu lực)* |
| 1 | Giấy CNĐT điều chỉnh lần thứ 4 | 472023000524 | 28/02/2011 | BQL các KCN Đồng Nai | Còn hiệu lực |
| 2 | ĐC lần 5 | 05/03/2014 |
| 3 | ĐC lần 6 | 30/10/2014 |
| 4 | ĐC lần 7 | 13/04/2015 |

**2. Nội dung điều chỉnh:**

**2.1. Nội dung điều chỉnh 1:** Mục tiêu và quy mô dự án:

**Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :**

- Sản xuất, gia công các loại bu lông, tán, long dền,đinh, vít, ngũ kim; các loại linh kiện bằng thép của xe mô tô, ô tô và các sản phẩm điện gia dụng với quy mô 2.000 tấn/ năm .

- Xử lý nhiệt và gia công xử lý nhiệt với quy mô 2.000tấn/ năm.

**Nay đăng ký điều chỉnh thành** :

- Sản xuất, gia công các loại bu lông, tán, long dền, đinh, vít, ngũ kim; các loại linh kiện bằng thép của xe mô tô, ô tô và các sản phẩm điện gia dụng với quy mô 2.000 tấn/ năm.

- Xử lý nhiệt và gia công xử lý nhiệt với quy mô 2.000 tấn/ năm.

- Sản xuất ……………………..với quy mô………sản phẩm/năm.

**Lý do điều chỉnh:**

- Công ty muốn đa dạng hóa sản phẩm, tạo thêm nhiều cơ hội cho khách hàng lựa chọn sản phẩm phù hợp theo yêu cầu .

- ………………………..

- Quy trình sản xuất chi tiết đối với mục tiêu bổ sung:

…………………………………

**2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo** *(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1)***:**

**IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ** *(nếu có)***:**

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư *....*NHÀ MÁY SẢN XUẤT……với nội dung như sau:

**1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên giấy** | **Số giấy/Mã số dự án** | **Ngày cấp** | **Cơ quan cấp** | **Ghi chú**  *(Còn hoặc hết hiệu lực)* |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**2. Nội dung điều chỉnh:**

**2.1. Nội dung điều chỉnh 1:**

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh: .............................................

- Nay đăng ký sửa thành: ................................................................................

- Lý do điều chỉnh: ..........................................................................................

**2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo***(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1)***:** ………………….

**3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh** *(nếu có)***:**

……………………………

**IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:**

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

**V. HỒ SƠ KÈM THEO:**

1. Quyết định của Chủ đầu tư;

2. Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư;

3. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

4…………..

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại Đồng Nai, ngày …. tháng …. năm 2017  **Đại diện Công ty TNHH A** |

(Người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp, ghi rõ họ tên,

đóng dấu và giáp lai văn bản)

**Mẫu I.7**

**Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư***(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư -*

*Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

*(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)*

Kính gửi: BAN QUẢN LÝ CÁC KCN TỈNH ĐỒNG NAI

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

**1. Nhà đầu tư thứ nhất:**

**a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên: …A……………… Giới tính: .......Nam...........

Sinh ngày: …02… /…01 / 1965……. Quốc tịch: …Hàn Quốc………….

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: 131143608

Ngày cấp: 06 /..02/ 2010…, Nơi cấp: …..Hàn Quốc…..

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú: 51, 29 Beon-gil, Sinsan-ro, Saha-gu, Busan Metropolitan, Korea.

Chỗ ở hiện tại: Lô C6, đường số 7, KCN Long Bình, Biên Hòa, T Đồng Nai.

Điện thoại: ……………. Fax: ………………. Email: ………………………

**b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:**

Tên doanh nghiệp/tổ chức: ………..Co., LTD

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: NBD/11660

Ngày cấp: 29/10/2010 , Cơ quan cấp: Brunei Darussalam.

Địa chỉ trụ sở: Rm 51, 5th Floor, Britannia House,Jalan Cator, Bandar Seri Begawan BS 8811, Negara Brunei Darussalam.

Điện thoại: +886932045569 Fax: ….. Email: wu932045569@yahoo.com Website: www.chientabolt.com

**Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:**

Họ tên: …..A…. Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc Sinh ngày: 30/06/1971 Quốc tịch: Trung Quốc(Đài Loan).

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: 300540650

Ngày cấp: 29 / Jul/2009 Nơi cấp: Taipei City

Địa chỉ thường trú: ……………., Lane 297, Chu – Lin Road, Linkou,Taipei County 244, Taiwan.

Chỗ ở hiện tại: …….., đường số 7, KCN Long Bình, Biên Hòa, T Đồng Nai

Điện thoại: 0918 262 569 Fax: 0613 993908 Email: [lee@chientabolt.com](mailto:lee@chientabolt.com)

**2. Nhà đầu tư tiếp theo:** thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất…..

**II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**1. Tên tổ chức kinh tế:** CÔNG TY TNHH ………….

**2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:** 472023000524 do BQL các KCN Đồng Nai cấp lần đầu ngày: 10/07/2002.

**III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:**

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư NHÀ MÁY SẢN XUẤT……..với nội dung như sau:

**1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên giấy** | **Số giấy/Mã số dự án** | **Ngày cấp** | **Cơ quan cấp** | **Ghi chú**  *(Còn hoặc hết hiệu lực)* |
| 1 | Giấy CNĐT điều chỉnh lần thứ 4 | 472023000524 | 28/02/2011 | BQL các KCN Đồng Nai | Còn hiệu lực |
| 2 | ĐC lần 5 | 05/03/2014 |
| 3 | ĐC lần 6 | 30/10/2014 |
| 4 | ĐC lần 7 | 13/04/2015 |

**2. Nội dung điều chỉnh:**

**2.1. Nội dung điều chỉnh 1:** Mục tiêu và quy mô dự án:

**Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư:**

- Sản xuất, gia công các loại bu lông, tán, long dền,đinh, vít, ngũ kim; các loại linh kiện bằng thép của xe mô tô, ô tô và các sản phẩm điện gia dụng với quy mô 2.000 tấn/ năm .

- Xử lý nhiệt và gia công xử lý nhiệt với quy mô 2.000tấn/ năm.

**Nay đăng ký điều chỉnh thành** :

- Sản xuất, gia công các loại bu lông, tán, long dền, đinh, vít, ngũ kim; các loại linh kiện bằng thép của xe mô tô, ô tô và các sản phẩm điện gia dụng với quy mô 2.000 tấn/ năm.

- Xử lý nhiệt và gia công xử lý nhiệt với quy mô 2.000 tấn/ năm.

- Sản xuất ……………………..với quy mô………sản phẩm/năm.

**Lý do điều chỉnh:**

- Công ty muốn đa dạng hóa sản phẩm, tạo thêm nhiều cơ hội cho khách hàng lựa chọn sản phẩm phù hợp theo yêu cầu .

- ………………………..

- Quy trình sản xuất chi tiết đối với mục tiêu bổ sung:

…………………………………

**2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo** *(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1)***:**

**3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh** *(nếu có)***:**

……………………………

**IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:**

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

**V. HỒ SƠ KÈM THEO:**

1. Quyết định của Chủ đầu tư;

2. Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư;

3. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

4…………..

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại Đồng Nai, ngày …. tháng …. năm 2017  **Đại diện Công ty TNHH A** |

(Người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp, ghi rõ họ tên,

đóng dấu và giáp lai văn bản)

**Mẫu I.8**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Kính gửi: BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Nhà đầu tư: **…Công ty A…** báo cáo về tình hình hoạt động của dự án **Nhà máy……** số Giấy chứng nhận đầu tư 6525070512 ngày 19 tháng 5 năm 2016 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp, số liệu báo cáo cập nhật đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 với các nội dung:

**1. Tiến độ dự án:** Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh**:**

- Tổng diện tích xây dựng: ….m2.

- Tổng diện tích đất sử dụng: 16.606 m2.

- Trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh: đã trang bị máy móc thiết bị sản xuất và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính thức từ tháng 8 năm 2000.

**2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:**

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện: 49.600.000.000 đồng Việt Nam tương đương 3.100.000 đô la Mỹ đạt 67% so với tổng vốn đầu tư đăng ký, trong đó:

- Vốn góp: 2.100.000 đô la Mỹ, tiến độ góp: đã góp đủ

- Vốn vay: 1.000.000 USD (nguồn vốn: vay từ Công ty mẹ).

- Vốn khác: không.

**3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:** đã thực hiện đúng theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư (Trường hợp, nếu có thay đổi nội dung gì khác với giấy phép đã cấp, đề nghị báo cáo cụ thể tại mục này).

**4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:**

- Doanh thu: 385.6 tỷ đồng

- Giá trị xuất khẩu: 61.7 triệu đồng.

- Giá trị nhập khẩu: 107.7 tỷ đồng

- Lợi nhuận (trước thuế): 98.7 tỷ đồng

- Ưu đãi đầu tư được hưởng: theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số ……….. do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp.

- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động: 513 người, người Việt Nam: 501, người nước ngoài : 02

**5. Những kiến nghị cần giải quyết**: (nếu có)

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại Đồng Nai, ngày …. tháng …. năm 2017  Đại diện Công ty TNHH A (Người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp, ghi rõ họ tên, đóng dấu và giáp lai văn bản) |

**Mẫu I.9**

**Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư**

*(Khoản 1 Điều 46 Luật đầu tư)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
----------------

**VĂN BẢN ĐỀ XUẤT GIÃN TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Kính gửi: **Ban Quản lý các KCN Đồng Nai**

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

*a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:*

Họ tên: **Nguyễn Văn A**  Giới tính: **Nam**

Sinh ngày: **26/8/1982** Quốc tịch: **Hàn Quốc**

*b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:*

Tên doanh nghiệp/tổ chức: **Công ty TNHH A**

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập: **472043001168**

Ngày cấp: **18/5/2016** Cơ quan cấp: **Ban Quản lý các KCN Đồng Nai**

2. Nhà đầu tư tiếp theo*(thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):*

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:**CÔNG TY TNHH A**

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:**472043001168** do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp lần đầu ngày: 18/5/2016

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỚI NHÀ NƯỚC

1. Tình hình hoạt động của dự án

1.1. Thực hiện các thủ tục hành chính *:* Đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định.

1.2. Tiến độ triển khai dự án *(nêu theo từng giai đoạn đối với dự án đầu tư có nhiều giai đoạn)*:

- Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn: **trong vòng 24 tháng kể từ ngày cấp Giấy CNĐT**.

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động *(nếu có)*: **Nhà xưởng và bể chứa nước thải đang thi công**.

- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động: **Đang thúc đẩy tiến độ xây dựng các hạng mục công trình.**

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp: **Đã nộp đầy đủ**.

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ *(nếu có)*: Không.

- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác *(nếu có)*: **lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba,… thực hiện đầy đủ.**

IV. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT GIÃN TIẾN ĐỘ

**Đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư Công ty TNHH A, đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh mã số/số 472043001168, do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp ngày 18/11/2014 với nội dung như sau:**

1. Nội dung cụ thể giãn tiến độ: *(ghi cụ thể nội dung đề xuất giãn tiến độ như tiến*

*- Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:* **Đến tháng 02/2017**

*- Tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động:* **Tháng 5/2017**

2. Thời gian giãn tiến độ: **6 tháng.**

3. Giải trình lý do giãn tiến độ: **Do tiến độ xây dựng công trình chậm trễ hoặc việc xây dựng nhà máy không đáp ứng được yêu cầu ban đầu**.

4. Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án:

- Kế hoạch góp vốn:

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động:

**V. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Về việc tiếp tục thực hiện dự án

3. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

**VI. HỒ SƠ KÈM THEO**

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh hoặc Quyết định chủ trương đầu tư.

2. Quyết định của nhà đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư *(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dư án hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật)*.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại ……., ngày ….. tháng ….. năm……  **CÔNG TY TNHH A**  Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu *(nếu có)* |

Đã ký

**NGUYEN VAN A**

**Mẫu I.10**

**Văn bản thông báo tạm ngừng hoạt động dự án đầu tư**

*(Khoản 1 Điều 47 Luật đầu tư)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**THÔNG BÁO TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Kính gửi: ……….. *(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

**1. Nhà đầu tư thứ nhất:**

*a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:*

Họ tên: **NGUYEN VAN A** Giới tính: Nam

Sinh ngày: …….../ / …………. Quốc tịch: Việt Nam

*b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:*

Tên doanh nghiệp/tổ chức: **Công ty TNHH A**

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập: ..............

Ngày cấp: **22/11/2006** Cơ quan cấp: **Ban Quản lý các KCN**

**2. Nhà đầu tư tiếp theo** *(thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):*

**II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**1. Tên tổ chức kinh tế: Công ty TNHH A**

**2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:** ………do ..……………. (*tên cơ quan cấp*) cấp lần đầu ngày: ………………………

**III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỚI NHÀ NƯỚC**

**1. Tình hình hoạt động của dự án**

1.1. Thực hiện các thủ tục hành chính *(nêu các thủ tục đã thực hiện, chưa thực hiện):*

1.2. Tiến độ triển khai dự án *(nêu theo từng giai đoạn đối với dự án đầu tư có nhiều giai đoạn)*:

- Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn: ……………….

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động *(nếu có)*: ………

- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động: …………………….

**2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính**

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp: ........

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ *(nếu có):*......

- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác *(nếu có)*: lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba, ......

**IV. NỘI DUNG TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Thông báo tạm ngừng hoạt động dự án đầu tư *(tên dự án)*....................., đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh mã số/số .............., do ……. *(tên cơ quan cấp)* cấp ngày.............. với nội dung như sau:

1. Nội dung tạm ngừng hoạt động *(ghi cụ thể việc ngừng từng phần hay toàn bộ hoạt động của dự án đầu tư):*

2. Thời gian tạm ngừng hoạt động *(từ ngày... tháng... năm đến ngày .... tháng .... năm ......)*:

3. Giải trình lý do tạm ngừng hoạt động:

4. Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án:

- Kế hoạch góp vốn:

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động:

**V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

**V. HỒ SƠ KÈM THEO**

1. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh hoặc Quyết định chủ trương đầu tư;

2. Quyết định của nhà đầu tư về việc tạm ngừng hoạt động dự án đầu tư *(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật)*.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại……., ngày ….. tháng ….. năm……  **Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế**  Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu *(nếu có)* |

**NGUYEN VAN A**

**Mẫu I.11**

**Văn bản thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư**

*(Điểm a, b và c, khoản 1 Điều 48 Luật đầu tư)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Kính gửi: ……….. *(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

**1. Nhà đầu tư thứ nhất:**

*a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:*

Họ tên: **NGUYEN VAN A** Giới tính: **Nam**

Sinh ngày: …….../ / …………. Quốc tịch: **Việt Nam**.

*b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:*

Tên doanh nghiệp/tổ chức: **Công ty TNHH A**

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập: ..............

Ngày cấp: 22/11/2006 Cơ quan cấp: **Ban Quản lý các KCN**

**2. Nhà đầu tư tiếp theo** *(thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):*

**II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**1. Tên tổ chức kinh tế: Công ty TNHH A**

**2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:** ………… do … .. . . (*tên cơ quan cấp*) cấp lần đầu ngày: ………………………………

**III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỚI NHÀ NƯỚC ĐẾN THỜI ĐIỂM CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN**

**1. Tình hình hoạt động của dự án**

- Tình hình góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Tình hình xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động *(nếu có)*:

- Tình hình thực hiện các mục tiêu hoạt động:

**2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính**

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp: ........

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ *(nếu có):*......

- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác *(nếu có)*: *lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba, ......*

**IV. NỘI DUNG CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư *(tên dự án)*............................., đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh mã số/số ..............., do ……….. *(tên cơ quan cấp)* cấp ngày........ với nội dung như sau:

1. Thời điểm chấm dứt hoạt động của dự án: từ ngày... tháng... năm.......

2. Giải trình lý do chấm dứt hoạt động: ……………………………

**V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

**VI. HỒ SƠ KÈM THEO**

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh hoặc Quyết định chủ trương đầu tư.

2. Quyết định của nhà đầu tư về việc chấm dứt hoạt động của dự án *(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại ……., ngày ….. tháng ….. năm……  **Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế**  Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu *(nếu có)* |

**Công ty TNHH A**

**Mẫu I.12**

*(Điều 61 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
----------------**

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ   
ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

*Kính gửi:* **Ban Quản Lý Các Khu Công Nghiệp Đồng Nai**

Nhà đầu tư đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với các nội dung như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ ………………… HONG KONG COMPANY LTD.,**

Giấy phép thành lập số : 12723422, Ngày cấp: 21/4/2008

Nơi cấp : Hồng Kông

Địa chỉ trụ sở : ........., No. 83 Hung To Road, Kwun Tong, Kowloon, Hong Kong

Điện thoại : ………… Fax: …………….Email: ………………

Thông tin về người đại diện của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên : …………………

Giới tính : Nam

Chức danh : Chủ tịch

Sinh ngày : 15/9/1963

Quốc tịch : Nhật Bản

Số hộ chiếu : TH 1761012

Ngày cấp : 06/10/2010

Nơi cấp : Nhật Bản

Địa chỉ thường trú : ………………Nishigamo, Kita-ku, Kyoto 603-8816, Nhật Bản

Chỗ ở hiện tại : ……………… Nishigamo, Kita-ku, Kyoto 603-8816, Nhật Bản

Điện thoại : ……………. Fax: ………………. Email: …………

**II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**1. Tên tổ chức kinh tế: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN …………**

**2. Số GCNĐT:** 472043000630 do Ban Quản lý các Khu Công Nghiệp Đồng Nai chứng nhận lần đầu ngày 26/6/1997, chứng nhận thay đổi lần thứ bảy ngày 06/5/2014.

**III. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ ĐỔI SANG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

1. Các Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh và các giấy điều chỉnh đã được cấp:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên giấy** | **Số giấy/Mã số**  **dự án** | **Ngày cấp** | **Cơ quan cấp** | **Ghi chú**  *(Còn hoặc hết*  *hiệu lực)* |
| 01 | Giấy chứng nhận đầu tư | 472043001212 | cấp lần đầu ngày 26/6/1997, chứng nhận thay đổi lần thứ bảy ngày 06/5/2014. | Ban Quản lý các Khu Công Nghiệp Đồng Nai | Còn hiệu lực |
| 02 | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | 3600262213 | cấp lần đầu ngày 26/6/1997, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 25/8/2016. | Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai | Còn hiệu lực |

2. Các thông tin đề nghị ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

2.1 Nhà đầu tư:

Tên công ty : **...................... HONG KONG COMPANY LTD.,**

Giấy phép thành lập số: 12723422, Ngày cấp: 21/4/2008

Nơi cấp : Hồng Kông

Địa chỉ trụ sở : .............., No. 83 Hung To Road, Kwun Tong, Kowloon, Hong Kong

*Thông tin về người đại diện của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:*

Họ tên : ………………..

Giới tính : Nam

Chức danh : Chủ tịch

Sinh ngày : 05/5/1965

Quốc tịch : Nhật Bản

Số hộ chiếu : TZ1043317

Ngày cấp : 24/02/2016

Nơi cấp : Tổng lãnh sự quán Nhật Bản tại Hồng Kông

Địa chỉ thường trú : ………………., Kawaguchi city, Saitama, Japan

Chỗ ở hiện tại : ………………, Kawaguchi city, Saitama, Japan

Điện thoại : ……………. Fax: ………………. Email: ………………

2.2 Nội dung dự án đầu tư

- Tên dự án đầu tư: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN …………..**

- Mục tiêu của dự án:

+ Sản xuất phụ tùng, thiết bị, linh kiện phục vụ ngành may, không bao gồm công đoạn xi mạ với quy mô sản lượng khoảng 300 cái/ năm.

+ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các mặt hàng phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Địa điểm thực hiện dự án: lô đất số 110, Khu công nghiệp ............., thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Diện tích: 25.200 m2

- Tổng vốn đầu tư đăng ký là: 232.725.000.000 (hai trăm ba mươi hai tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu) đồng Việt Nam, tương đương 14.500.000 (mười bốn triệu năm trăm nghìn) đô la Mỹ.

Vốn góp để thực hiện dự án là 54.604.199.840 (năm mươi bốn tỷ sáu trăm lẻ bốn triệu một trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi) đồng Việt Nam, tương đương 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đô la Mỹ. Chiếm ...% tổng vốn đầu tư.

................ HONG KONG COMPANY LTD góp 54.604.199.840 (năm mươi bốn tỷ sáu trăm lẻ bốn triệu một trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi) đồng Việt Nam, tương đương 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đô la Mỹ, chiếm 100% vốn góp của dự án. Tiến độ góp vốn: Đã góp đủ.

- Thời hạn hoạt động của dự án là 47 (bốn mươi bảy) năm kể từ ngày 26 tháng 6 năm 1997.

- Tiến độ thực hiện dự án: chính thức đi vào hoạt động sản xuất kể từ tháng 4 năm 1998.

- Ưu đãi đối với dự án:................................

**IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

**V. HỒ SƠ KÈM THEO**

Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp….

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Đồng Nai*, ngày ….. tháng ….. năm …… | | |
|  | | Làm tại Đồng Nai, ngày …. tháng …. năm 2017  Đại diện Công ty TNHH A |

(Người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp, ghi rõ họ tên,

đóng dấu và giáp lai văn bản)

|  |  |
| --- | --- |
| **Mẫu MĐ-1: Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh** | |
|  | |  | |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

------------

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH**

**Kính gửi:** BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

1. Tên doanh nghiệp *(viết bằng chữ in hoa)*: CÔNG TY TNHH ……VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đầu tư số 472043001216 do Ban Quản Lý các KCN Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 04 năm 2016

Địa chỉ trụ sở chính: *(ghi đầy đủ số nhà/ đường, phố/ xã, phường/ quận, huyện/ tỉnh, thành phố)*: Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0613.514.570-3, Fax: 0613.514.574, Email: [anhanh898906@gmail.com](mailto:anhanh898906@gmail.com), Website (nếu có):....................

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên: ……….., .Nam/Nữ: Nam..............Quốc tịch: Hàn Quốc.........................

Chức danh: Tổng Giám Đốc..............................................................

**Đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hoá**

**và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá với nội dung sau:**

**I. Hoạt động mua bán hàng hoá**: Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối các hàng hóa có mã HS sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nhóm hàng** | **Mã HS** | **Ghi Chú** |
| 1 | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic. | 3917 |  |
| 2 | Tấm, phiến, màng, lá, băng, dải và các hình dạng phẳng khác tự dính, bằng plastic, có hoặc không ở dạng cuộn | 3919 |  |
| 3 | |  | | --- | | Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic. | |  | | 3921 |  |
| 4 | Các sản phẩm khác bằng plastic và các sản phẩm bằng các vật liệu khác của các nhóm từ 39.01 đến 39.14.  Loại khác | 3926 |  |
| 5 | |  | | --- | | Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng, có hoặc không kèm theo các phụ kiện để ghép nối (ví dụ, các đoạn nối, khớp, khuỷu, vành đệm). | | 4009 |  |
| 6 | Các sản phẩm khác bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng. | 4016 |  |
| 7 | Các loại nhãn mác bằng giấy hoặc bìa, đã hoặc chưa in. | 4821 |  |
| 8 | Các sản phẩm bằng đá hoặc bằng các chất liệu khoáng khác (kể cả sợi carbon, các sản phẩm bằng sợi carbon và các sản phẩm làm bằng than bùn), chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác | 6815 |  |
| 9 | Thiết bị điện để đóng ngắt mạch hay bảo vệ mạch điện, hoặc dùng để đấu nối hay lắp trong mạch điện (ví dụ, cầu dao, rơ le, công tắc, chi tiết đóng ngắt mạch, cầu chì, bộ triệt xung điện, phích cắm, ổ cắm, đui đèn và các đầu nối khác, hộp đấu nối), dùng cho điện áp không quá 1.000V; đầu nối dùng cho sợi quang, bó sợi quang hoặc cáp quang. | 8536 |  |
| 10 | Dây, cáp điện (kể cả cáp đồng trục) cách điện (kể cả loại đã tráng men cách điện hoặc mạ lớp cách điện) và dây dẫn cách điện khác, đã hoặc chưa gắn với đầu nối; cáp sợi quang, làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi, có hoặc không gắn với dây dẫn điện hoặc gắn với đầu nối. | 8544 |  |

**II. Hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá:**……………………………….

**III. Lập cơ sở bán lẻ thứ nhất (số 1)** (nếu không lập cơ sở bán lẻ thì ghi: không lập cơ sở bán lẻ)

1. Tên cơ sở bán lẻ:................................................................................

2. Địa chỉ: *(ghi đầy đủ số nhà/ đường, phố/ xã, phường/ quận, huyện/ tỉnh, thành phố)*......................

3. Người đứng đầu cơ sở bán lẻ:

Họ và tên.....................................Nam/Nữ..................................Quốc tịch....

Chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu số .............. do ............ cấp ngày ..... tháng ........ năm .........

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú/tạm trú.............................................

Chỗ ở hiện nay:............................................................................

4. Quy mô của cơ sở bán lẻ:

- Diện tích đất: ...........................................................................................

- Tổng diện tích sàn xây dựng:...................................................................

- Diện tích kinh doanh mua bán hàng hoá:.............................................

5. Nội dung hoạt động của cơ sở bán lẻ: ……………………………

**Doanh nghiệp cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy phép kinh doanh./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại Đồng Nai, ngày …. tháng …. năm 2017  **Đại diện Công ty TNHH A** |

(Người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp, ghi rõ họ tên,

đóng dấu và giáp lai văn bản)

|  |
| --- |
| **Mẫu MĐ-6:** Bản giải trình việc đáp ứng các điều kiện thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá |

**TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN GIẢI TRÌNH VIỆC ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN**

**HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG**

**LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN MUA BÁN HÀNG HOÁ**

**I. Nội dung giải trình về sự phù hợp với cam kết mở cửa thị trường**

**1. Quốc tịch nhà đầu tư nước ngoài:** Nhà đầu tư nước ngoài căn cứ vào nơi đăng ký thành lập (trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức), quốc tịch (trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân) của nhà đầu tư nước ngoài để xem xét nhà đầu tư nước ngoài thuộc hay không thuộc các nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và trong Điều ước quốc tế đó Việt Nam có cam kết mở cửa thị trường về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

**2. Hình thức đầu tư:** Nhà đầu tư nước ngoài căn cứ vào hình thức đầu tư và lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá quy định tại Phụ lục số 01 Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21 tháng 5 năm 20007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá (sau đây gọi tắt là Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM) và quy định pháp luật có liên quan để xem xét sự phù hợp giữa hình thức đầu tư và lĩnh vực đầu tư.

**II. Nội dung giải trình việc đáp ứng điều kiện thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá (nếu đề nghị cấp phép thực hiện)**

1. Hàng hoá kinh doanh: Nhà đầu tư nước ngoài lập danh mục hàng hóa đề nghị cấp phép thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo tên nhóm hàng hoặc tên từng mặt hàng kèm theo mã HS tương ứng và căn cứ vào Danh mục hàng hoá và lộ trình thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của Phụ lục số 02, 03 và 04 Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM và quy định pháp luật có liên quan để xem xét sự phù hợp giữa hàng hoá với lộ trình mở cửa thị trường.

2. Phạm vi hoạt động: Nhà đầu tư nước ngoài căn cứ vào các quy định về hoạt động mua bán hàng hóa của Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định số 23/2007/NĐ-CP), Luật Thương mại và quy định pháp luật có liên quan để giải trình phạm vi hoạt động là: quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ, lập cơ sở bán lẻ, nhượng quyền thương mại, đại lý mua bán hàng hoá). Trong đó cần giải trình rõ:

a) Phương thức thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, mua trong nước các hàng hoá để thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối (giải trình rõ các thủ tục phải thực hiện để hoàn thành thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu; thủ tục mua hàng đối với hàng hoá mua trong nước).

b) Chu trình thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối:

- Chu trình thực hiện quyền xuất khẩu: giải trình về trình tự lưu chuyển hàng hoá từ khi nhận hàng của người bán đến khi hoàn thành thủ tục xuất khẩu gắn với điều kiện không được mở địa điểm để mua gom hàng hoá xuất khẩu.

- Chu trình thực hiện quyền nhập khẩu: giải trình về trình tự lưu chuyển hàng hoá từ khi hoàn thành thủ tục nhập khẩu đến khi giao hàng cho người mua gắn với điều kiện không được tổ chức hoặc tham gia hệ thống phân phối.

- Chu trình thực hiện quyền phân phối: giải trình về trình tự lưu chuyển hàng hoá từ khi hoàn thành thủ tục nhập khẩu đến khi giao hàng cho người mua (đối với hàng nhập khẩu để phân phối) và trình tự lưu chuyển hàng hoá từ khi nhận hàng của người bán đến khi giao hàng cho người mua (đối với hàng mua trong nước để phân phối), cách thức bán hàng (đối với hàng hoá bán lẻ để tiêu dùng).

c) Thị trường mục tiêu, đối tượng khách hàng.

d) Các phương án về kho lưu giữ, bảo quản hàng hoá (trường hợp liên quan đến vệ sinh môi trường, an toàn cháy nổ, cần giải trình các biện pháp khắc phục).

đ) Các vấn đề liên quan đến điều kiện kinh doanh (trường hợp hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối thuộc diện kinh doanh có điều kiện, nhà đầu tư nước ngoài cần giải trình việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh tương ứng theo quy định của pháp luật).

3. Giải trình về khả năng tham gia và phát triển thị trường.

**III. Nội dung giải trình việc đáp ứng điều kiện thực hiện hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá (nếu đề nghị cấp phép thực hiện)**

1. Hoạt động kinh doanh: Nhà đầu tư nước ngoài căn cứ vào các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa được quy định tại Nghị định số 23/2007/NĐ-CP, các quy định pháp luật có liên quan và lộ trình thực hiện tương ứng tại Biểu cam kết về thương mại dịch vụ của Việt Nam với WTO để xem xét sự phù hợp giữa hoạt động kinh doanh với lộ trình mở cửa thị trường.

2. Phạm vi hoạt động: nhà đầu tư nước ngoài căn cứ vào các quy định về hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của Nghị định số 23/2007/NĐ-CP, Luật Thương mại và Biểu cam kết về thương mại dịch vụ của Việt Nam với WTO để giải trình phạm vi các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá đề nghị cấp phép. Trong đó cần giải trình rõ:

- Mã CPC của hoạt động kinh doanh (theo Bảng mã phân loại sản phẩm dịch vụ trung tâm của Liên hợp quốc).

- Nội dung của hoạt động kinh doanh (mô tả tính chất, đặc điểm, trình tự thực hiện hoạt động kinh doanh...).

- Thị trường mục tiêu, đối tượng khách hàng.

- Các vấn đề liên quan đến điều kiện kinh doanh (trường hợp hoạt động kinh doanh thuộc diện kinh doanh có điều kiện, nhà đầu tư nước ngoài cần giải trình việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh tương ứng theo quy định của pháp luật).

3. Giải trình về khả năng tham gia và phát triển thị trường.

**IV. Các nội dung khác**

1. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài đã có đối tác tại Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài cần làm rõ mối quan hệ hiện tại với đối tác, phương án thay đổi mối quan hệ với đối tác sau khi được cấp phép kinh doanh và phương án giải quyết mâu thuẫn hoặc tranh chấp có thể phát sinh với đối tác (nếu có).

2. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài có Văn phòng đại diện, Chi nhánh đang hoạt động tại Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài cần báo cáo về tình hình hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh và phương án hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh sau khi được cấp phép kinh doanh.

3. Các nội dung giải trình khác (nếu cần hoặc được yêu cầu)./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại Đồng Nai, ngày …. tháng …. năm 2017  **Đại diện Công ty TNHH A** |

(Người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp, ghi rõ họ tên,

đóng dấu và giáp lai văn bản)

**LĨNH VỰC VIỆC LÀM**

**Mẫu số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Công ty TNHH May mặc ABCD -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc --------------** |
| Số: 01/ĐKNC  V/v giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài | *Đồng Nai, ngày 22 tháng 12 năm 2016* |

Kính gửi: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai

Công ty TNHH May mặc ABCD, trụ sở Công ty tại KCN Biên Hòa II, chuyên sản xuất các sản phẩm may mặc.

Điện thoại: 0613-892307; Fax: 0613-892378 Website: abcdgarments.com

Người liên hệ: Lê Thị Thu Hồng Email: hongltt@abcd.com

Báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài như sau:

1. Vị trí công việc 1: Nhà quản lý *(Lựa chọn 1 trong 4 vị trí công việc: nhà quản lý/giám đốc điều hành/chuyên gia/lao động kỹ thuật).*

- Chức danh công việc: Giám đốc Kinh doanh *(do doanh nghiệp/tổ chức tự kê khai, ví dụ: kế toán, giám sát công trình v.v...)*

- Số lượng *(người): 01*

- Thời hạn làm việc từ: 01/02/2017 đến ngày 31/01/2019

- Lý do sử dụng người lao động nước ngoài: Cần người nước ngoài am hiểu thị trường xuất khẩu; có kinh nghiệm đám phán quốc tế và thông thạo ngoại ngữ.

2. Vị trí công việc 2*:* Chuyên gia *(nếu có) (Lựa chọn 1 trong 4 vị trí công việc: nhà quản lý/giám đốc điều hành/chuyên gia/lao động kỹ thuật).*

- Chức danh công việc: Giám sát sản xuất *(do doanh nghiệp/tổ chức tự kê khai, ví dụ: kế toán, giám sát công trình v.v...)*

- Số lượng *(người): 02*

- Thời hạn làm việc từ 01/02/2017 đến ngày 31/01/2019

- Lý do sử dụng người lao động nước ngoài: Cần chuyên gia có trình độ và nhiều kinh nghiệm, hướng dẫn, giám sát hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

3. Vị trí công việc... (nếu có)

*(đính kèm bảng tổng hợp –mẫu 7-BQL soạn để thuận tiện cho công tác sử dụng lao động nước ngoài)*

Đề nghị Ban Quản lý các KCN Đồng Nai xem xét, thẩm định và chấp thuận.

Xin trân trọng cảm ơn!

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên; - Lưu:.......... | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC** *(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 2:** *Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 11/2016/NĐ-CP.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Công ty TNHH May mặc ABCD -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc --------------** |
| Số: 02/GTNC V/v giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài | *Đồng Nai, ngày 15 tháng 3 năm 2017* |

Kính gửi: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai (*theo ủy quyền của UBND tỉnh)*

Căn cứ văn bản số 153/TB-KCNĐN ngày 27/12/2016 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai về việc thông báo chấp thuận vị trí công việc sử dụng người lao động nước ngoài và nhu cầu thực tế của Công ty May mặc ABCD

Công ty TNHH May mặc ABCD, trụ sở Công ty tại KCN Biên Hòa II, chuyên sản xuất các sản phẩm may mặc.

Điện thoại: 0613-892307; Fax: 0613-892378 Website: abcdgarments.com

Người liên hệ: Lê Thị Thu Hồng Email: hongltt@abcd.com

Báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài như sau:

1. Vị trí công việc *(nhà quản lý/giám đốc điều hành/chuyên gia/lao động kỹ thuật),* số lượng *(người),* thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm)* đã được chấp thuận:

Vị trí công việc 1: Nhà quản lý

- Chức danh công việc: Giám đốc Kinh doanh

- Số lượng *(người): 01*

- Thời hạn làm việc từ: 01/02/2017 đến ngày 31/01/2019

Vị trí công việc 2*:* Chuyên gia

- Chức danh công việc: Giám sát sản xuất

- Số lượng *(người): 02*

- Thời hạn làm việc từ 01/02/2017 đến ngày 31/01/2019

2. Vị trí công việc *(nhà quản lý/giám đốc điều hành/chuyên gia/lao động kỹ thuật),* số lượng *(người),* thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm)* đã sử dụng *(nếu có)*

Vị trí công việc 1: Nhà quản lý

- Chức danh công việc: Giám đốc Kinh doanh

- Số lượng *(người): 01*

- Thời hạn làm việc từ: 01/02/2017 đến ngày 31/01/2019

Vị trí công việc 2*:* Chuyên gia

- Chức danh công việc: Giám sát sản xuất

- Số lượng *(người): 02*

- Thời hạn làm việc từ 01/02/2017 đến ngày 31/01/2019

3. Vị trí công việc *(nhà quản lý/giám đốc điều hành/chuyên gia/lao động kỹ thuật),* số lượng *(người),* thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm),* lý do sử dụng người lao động nước ngoài *(có nhu cầu thay đổi):* bổ sung thêm nhu cầu sử dụng lao động

Vị trí công việc *:* Chuyên gia

- Chức danh công việc: Giám sát sản xuất

- Số lượng *(người): 02*

- Thời hạn làm việc từ 01/5/2017 đến ngày 30/4/2019

Lý do: Công ty vừa mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tuyển dụng thêm lao động nên cần có các chuyên gia hỗ trợ, hướng dẫn kỹ thuật.

Đề nghị Ban Quản lý các KCN Đồng Nai xem xét, thẩm định và chấp thuận.

Xin trân trọng cảm ơn!

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên; - Lưu:.......... | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC** *(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 7:** *Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 11/2016/NĐ-CP.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Công ty TNHH May mặc ABCD**  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc --------------** |
| Số: 03/GPLĐ V/v cấp/cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài | *Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2017* |

Kính gửi: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức:Công ty TNHH May mặc ABCD

2. Loại hình doanh nghiệp/tổ chức *(doanh nghiệp trong nước/doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài/cơ quan, tổ chức/nhà thầu):* doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

3. Tổng số lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức: 5.500 người

Trong đó số lao động nước ngoài là: 5 người

4. Địa chỉ: KCN Biên Hòa II

5. Điện thoại: 0613-892307 Email *(nếu có)*: hongltt@ abcd.com

7. Giấy phép kinh doanh (hoạt động) số: *047223132*

Cơ quan cấp: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai Có giá trị đến ngày: 2049

Lĩnh vực kinh doanh (hoạt động): Sản xuất, gia công xuất khẩu hàng may mặc

8. Người nộp hồ sơ của doanh nghiệp/tổ chức để liên hệ khi cần thiết *(số điện thoại, email):*

Lê Thị Thu Hồng – 0909.123456 hongltt@ abcd.com

Căn cứ văn bản thông báo chấp thuận vị trí công việc sử dụng người lao động nước ngoài số 153/TB-KCNĐN ngày 27/12/2016 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai, Công ty TNHH May mặc ABCD đề nghị cấp/cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài, cụ thể như sau:

9. Họ và tên (chữ in hoa): KIM TAE HO

10. Ngày, tháng, năm sinh: 25/12/1970 . 11. Giới tính (Nam/Nữ): Nam

12. Quốc tịch: Hàn Quốc

13. Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số: M5492619

Cơ quan cấp: Cục Quản lý XNC Hàn Quốc. Có giá trị đến ngày: 20/11/2025

14. Trình độ chuyên môn (tay nghề) *(nếu có)*: Cử nhân thiết kế thời trang và xác nhận 20 năm kinh nghiệm

15. Làm việc tại doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH May mặc ABCD

16. Địa điểm làm việc: KCN Biên Hòa II

17. Vị trí công việc: Chuyên gia

18. Chức danh công việc: Chuyên gia thiết kế

19. Hình thức làm việc *(nêu cụ thể theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016):* Di chuyển nội bộ

20. Mức lương: 40.000.000VNĐ

21. Thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm)* 01/02/2017 đến ngày 31/01/2019

22. Nơi đăng ký nhận giấy phép lao động: Tổ tiếp nhận – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai

23. Lý do đề nghị *(chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép lao động):* *gia hạn thời hạn làm việc*

I. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO (2)

- Năm 1988-1993: đào tạo chuyên ngành thiết kế thời trang Trường Đại học Busan

II. QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC (3)

24. Nơi làm việc

- Nơi làm việc lần 1: Công ty EFG Garments Co,Ltd

+ Địa điểm làm việc: Hàn Quốc

+ Vị trí công việc: Chuyên gia

+ Chức danh công việc: Nhân viên tư vấn và thiết kế

+ Thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm)*: 01/4/1993-1998

- Nơi làm việc lần 2: ...................................................................

+ Địa điểm làm việc: ..............................................................

+ Vị trí công việc: ...................................................

+ Chức danh công việc: ................................................

+ Thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm)*.....................................

- Nơi làm việc cuối cùng hoặc hiện tại: Công ty ABCD Co, Ltd

+ Địa điểm làm việc: Hàn Quốc

+ Vị trí công việc: Chuyên gia

+ Chức danh công việc: Giám đốc Thiết kế

+ Thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm)*.05/5/1998 - nay

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên; - Lưu đơn vị | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC** *(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 9**

|  |  |
| --- | --- |
| **Công ty TNHH May mặc ABCD -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc --------------** |
| Số: 04/GPLĐ V/v xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động | *Đồng Nai, ngày 16 tháng 01 năm 2017* |

Kính gửi: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH May mặc ABCD

2. Loại hình doanh nghiệp/tổ chức *(doanh nghiệp trong nước/doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài/cơ quan, tổ chức/nhà thầu)* doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

3. Tổng số lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức: 5.500 người

Trong đó số lao động nước ngoài là:05 người

4. Địa chỉ: KCN Biên Hòa II

5. Điện thoại: 0613-892307 Email *(nếu có)*: hongltt@ abcd.com

7. Giấy phép kinh doanh (hoạt động) số: *047223132*

Cơ quan cấp: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai Có giá trị đến ngày: 2049

Lĩnh vực kinh doanh (hoạt động): Sản xuất, gia công xuất khẩu hàng may mặc

8. Người nộp hồ sơ của doanh nghiệp/tổ chức để liên hệ khi cần thiết *(số điện thoại, email):* Lê Thị Thu Hồng – 0909.123456; hongltt@ abcd.com

Căn cứ văn bản thông báo chấp thuận vị trí công việc sử dụng người lao động nước ngoài số 153/TB-KCNĐN ngày 27/12/2016 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai, Công ty TNHH May mặc ABCD đề nghị Ban Quản lý xác nhận những người lao động nước ngoài sau đây không thuộc diện cấp giấy phép lao động *(có danh sách kèm theo)* và các điều kiện cụ thể như sau:

- Trường hợp lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động: Người nước ngoài là thành viên Công ty TNHH thro quy định tại Khoản 1, Điều 172, Bộ luật Lao động *(nêu rõ thuộc đối tượng nào quy định tại Điều 7 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016).*

- Các giấy tờ chứng minh kèm theo *(liệt kê tên các giấy tờ):* bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Xin trân trọng cảm ơn!

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu đơn vị | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC** *(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI ĐỀ XUẤT KHÔNG THUỘC DIỆN CẤP GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG**

*Kèm theo văn bản số 04/GPLĐ ngày 16/01/2017 của Công ty TNHH May mặc ABCD*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên** | **Giới tính** | | **Ngày tháng năm sinh** | **Quốc tịch** | **Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế** | | | **Làm việc tại doanh nghiệp/ tổ chức** | **Trình độ chuyên môn (tay nghề) (nếu có)** | **Vị trí công việc** | **Chức danh công việc** | **Địa điểm làm việc** | **Thời hạn làm việc** | |
| **Nam** | **Nữ** | **Số** | **Cơ quan cấp** | **Có giá trị đến ngày** | **Từ** *(ngày/ tháng/ năm)* | **Đến** *(ngày/ tháng/ năm)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) |
| 1 | LEE SANG HOO | X |  | 28/5/1960 | Hàn Quốc | M5987654 | Cục XNC Hàn Quốc | 2022 | Công ty TNHH May mặc ABCD | Kinh nghiệm Quản lý | Nhà quản lý | Thành viên HĐTV | KCN Biên Hòa II | 01/02/2017 | 31/01/2019 |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC** *(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Công ty TNHH May mặc ABCD**    Số: 01/HĐ-ABCD | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Đồng Nai, ngày 10 tháng 06 năm 2016* |

**ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG NHẬN LAO ĐỘNG THỰC TẬP**

# Kính gửi: Cục Quản lý lao động ngoài nước/Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh (thành phố)…

1.Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH May mặc ABCD (Bên A)

- Tên giao dịch: ABCD Garments Co.,Ltd

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 2, KCN Biên Hòa II

- Điện thoại: 0613.836.839; Fax: 0613.836.840; E-mail: [abcd.garrments@gmail](mailto:abcd.garrments@gmail). com

- Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Nguyễn Văn A

2. Doanh nghiệp đăng ký Hợp đồng nhận lao động thực tập làm việc tại *Hàn Quốc* đã ký ngày 20 tháng 02 năm 2014 với đối tác Công ty TNHH MR (Bên B)

- Địa chỉ của tổ chức tiếp nhận lao động thực tập: *Seoul 120-704, Korea.*

- Điện thoại: *123456789* ; Fax: *123456788*

- Người đại diện: *Kim Min Cho*

- Chức vụ: *Tổng Giám đốc*

3. Những nội dung chính trong Hợp đồng nhận lao động thực tập:

- Số lượng: .*03* , trong đó nữ: *(không)*

- Ngành nghề: May mặc, trong đó: số có nghề: *03*, số không nghề: 0

- Nơi thực tập *(Tên nhà máy, công trường, viện điều dưỡng, trường học, tàu vận tải, tàu cá, ......)*: *Công ty TNHH MR*

- Địa chỉ nơi thực tập: *Seoul 120-704, Korea*

- Thời hạn hợp đồng: *60 ngày*

- Thời gian thực tập *(giờ/ngày)*; *8g/ngà*y; số ngày thực tập trong tuần: *05 ngày*

- Mức lương cơ bản: *15.000.000 đồng*

- Các phụ cấp khác *(nếu có)*: *Nhà ở: 5.000.000 đồng, tiền ăn: 4.000.000*

- Chế độ làm thêm giờ, làm thêm vào ngày nghỉ, ngày lễ: *Hưởng theo quy định của nước sở tại*

- Điều kiện ăn, ở: *Bên A hỗ trợ chi phí cho người lao động*

- Các chế độ bảo hiểm người lao động được hưởng tại nước đến thực tập: *Theo quy định của nước sở tại*

- Bảo hộ lao động tại nơi thực tập: *Theo quy định của bên B*

- Các chi phí do đối tác đài thọ: *Kinh phí học tập, thực hành, bảo hộ lao động... và các khoản thu từ tiền lương của người lao động trong thời gian thự tập ở nước ngoài*.

- Vé máy bay: *Bên A đài thọ cho người lao động*

4. Chi phí người lao động phải trả trước khi đi *(nếu có)*:

- Vé máy bay: .........................................................................

- Học phí bồi dưỡng kiến thức cần thiết: ..........................................................

- Bảo hiểm xã hội *(đóng cho cơ quan BHXH Việt Nam)*: .........................................

- Vé máy bay lượt đi: ..................................................................................

- Visa: ...........................................................................

- Thu khác *(nếu có, ghi cụ thể các khoản)*: .......................................................

5. Các khoản thu từ tiền lương của người lao động trong thời gian thực tập ở nước ngoài *(thuế hoặc các loại phí theo quy định của nước đến thực tập, ...)*: *Bên B hỗ trợ chi phí*

6. Dự kiến thời gian xuất cảnh: *15/10/2016.*

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật về đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TỔNG GIÁM ĐỐC**  (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)  **Nguyễn Văn A** |

**LĨNH VỰC XÂY DỰNG**

**Mẫu số 01**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY A -------**  Số: …………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------**  *…………., ngày ….. tháng ….. năm …..* |

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định thiết kế cơ sở**

Kính gửi: BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.........................................................

Công ty A trình Ban Quản lý các KCN Đồng Nai thẩm định thiết kế cơ sở với các nội dung chính sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)**

1. Tên dự án: Dự án nhà máy sản xuất sản phẩm A.

2. Nhóm dự án: B/C

3. Loại và cấp công trình: Loại công trình công nghiệp, cấp công trình cấp II/III.

4. Người quyết định đầu tư: Ông Nguyễn Văn A, chức vụ: Tổng giám đốc

5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):

Tên chủ đầu tư: Công ty A.

Địa chỉ: Số A, Đường B, KCN C.

Điện thoại liên hệ: 0251 xxx xxx . Fax: 0251 xxx xx x

6. Địa điểm xây dựng: KCN A.

7. Giá trị tổng mức đầu tư: 20,05 tỷ.

8. Nguồn vốn đầu tư: Vốn của doanh nghiệp.

9. Thời gian thực hiện: 20 tháng.

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam.

11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty B.

12. Các thông tin khác (nếu có):

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO**

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);

- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);

- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;

- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);

- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;

- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu. | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)* **Nguyễn Văn A** |

**Mẫu số 01**

**Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY A -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……………… | *………, ngày … tháng … năm……* |

**BÁO CÁO TỔNG HỢP**

**Về hồ sơ trình thẩm định**

Kính gửi: BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình (nếu có) do.... (Công ty xây dựng A);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Công ty A trình Báo cáo tổng hợp thiết kế và dự toán xây dựng công trình (nếu có) với các nội dung sau:

1. Sự phù hợp về thành phần, quy cách của hồ sơ thiết kế so với quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật (hồ sơ thiết kế bao gồm: thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan);

2. Thống kê các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng trong hồ sơ thiết kế xây dựng công trình;

3. Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (nếu có) (ngành nghề được phép thực hiện lập khảo sát, thiết kế xây dựng công trình theo giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc các chứng nhận được cơ quan có thẩm quyền cấp);

4. Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (mô tả chi tiết về năng lực của các chủ nhiệm, chủ trì);

a. Các chủ nhiệm khảo sát xây dựng:

- Chủ nhiệm khảo sát xây dựng: Ông Nguyễn Văn A .(loại hình khảo sát được cấp theo chứng chỉ hành nghề)……… có đủ năng lực khảo sát xây dựng công trình và theo Chứng chỉ số ………… ngày ………… đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

b. Các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế xây dựng công trình:

- Chủ nhiệm thiết kế: Ông Nguyễn Văn B có đủ năng lực chủ nhiệm thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số …………… ngày ………… đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

- Chủ trì thiết kế.: Ông Nguyễn Văn C (theo chuyên môn thiết kế được cấp theo chứng chỉ hành nghề): …………… có đủ năng lực chủ nhiệm thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số ………… ngày ………… đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu. | **CHỦ ĐẦU TƯ** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)* |

**Mẫu số 04**

**Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY A -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……………. | *………, ngày … tháng … năm……* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình**

**(CÔNG TY A)**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số

Xét đề nghị của... tại tờ trình số... ngày...

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sản xuất A với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất sản phẩm A

2. Chủ đầu tư: Công ty A

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng: sản xuất sản phẩm A

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty B

6. Chủ nhiệm lập dự án: Nguyễn Văn A

7. Địa điểm xây dựng: KCN A

8. Diện tích sử dụng đất: b m2.

9. Loại, cấp công trình (ghi loại và cấp của công trình chính thuộc dự án): công trình công nghiệp, cấp II/III.

10. Số bước thiết kế: 2

11. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):

12. Thiết bị công nghệ (nếu có):

13. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

14. Tổng mức đầu tư của dự án: a tỷ.

Tổng mức:

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: a1 tỷ đồng.

- Chi phí, thiết bị: a2 tỷ đồng.

- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:

- Chi phí quản lý dự án: a3 tỷ đồng.

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

- Chi phí khác:

- Chi phí dự phòng:

15. Nguồn vốn đầu tư (nêu rõ dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án):

16. Hình thức quản lý dự án:

17. Thời gian thực hiện dự án: n tháng.

18. Thời hạn sử dụng công trình: n năm.

19. Các nội dung khác:

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện. Công ty A.

**Điều 3.** Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3; - Các cơ quan có liên quan; - Lưu. | **CƠ QUAN PHÊ DUYỆT** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)* |

**Mẫu số 05**

**Quyết định phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng công trình**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY A -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……………… | *………, ngày … tháng … năm……* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Thiết kế và Dự toán xây dựng công trình**

**(Cơ quan phê duyệt)**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số....

Xét đề nghị của .... tại Tờ trình số... ngày... và Thông báo kết quả thẩm định số ... ngày ... của ...;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Thiết kế và Dự toán xây dựng công trình (nếu có) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Nhà máy sản xuất sản phẩm A

2. Thuộc dự án: Nhà máy sản xuất sản phẩm A

3. Loại, cấp công trình: công trình công nghiệp, cấp II/III.

4. Địa điểm xây dựng: KCN A.

5. Nhà thầu lập báo cáo khảo sát xây dựng: Công ty B

6. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng: Công ty C

7. Chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng: (liệt kê lần lượt).

8. Đơn vị thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng (nếu có): Công ty D

9. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

10. Giá trị dự toán xây dựng công trình (nếu có):

(Bằng chữ:...)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:

- Chi phí thiết bị:

- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

- Chi phí quản lý dự án:

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

- Chi phí khác:

- Chi phí dự phòng:

11. Thời hạn sử dụng công trình:

12. Các nội dung khác:

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

**Điều 3.** Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3; - Các cơ quan có liên quan; - Lưu. | **CƠ QUAN PHÊ DUYỆT** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC SỐ 1**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

*(Sử dụng cho công trình: Quảng cáo/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)*

Kính gửi: BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI

**1. Thông tin về chủ đầu tư:**

- Tên chủ đầu tư: CÔNG TY A

- Người đại diện: Nguyễn Văn A Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Điện thoại liên hệ: 0251 xxx xxx. Fax: 0251 xxx xxxx

- Địa chỉ liên hệ: Số 26 Đường 2A KCN Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**2. Thông tin công trình:**

- Địa điểm xây dựng: KCN Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Lô đất số: a, thửa đất số: b. Diện tích: N m2.

**3. Nội dung đề nghị cấp phép:**

***3.4. Đối với công trình quảng cáo:***

- Loại công trình: Công nghiệp/dân dụng. Cấp công trình: IV.

- Diện tích xây dựng: 50,00.m2.

- Cốt xây dựng: + 1,50 m

- Chiều cao công trình: 25,00 m

- Nội dung quảng cáo: Quảng cáo sản phẩn Công ty A.

***3.6. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:***

**Hiện Trạng:**

- Loại công trình: công nghiệp Cấp công trình: III

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): 1.500,00 m2.

- Tổng diện tích sàn: 3.000,00 *m2* *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

- Chiều cao công trình: + 17,00 m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

- Số tầng: 02 *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

**Đề nghị sửa chữa cải tạo:**

- Loại công trình: công nghiệp Cấp công trình: III

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): 500,00 m2.

- Tổng diện tích sàn: 3.000,00 *m2* *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

- Chiều cao công trình: + 17,00 m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

- Số tầng: 02 *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).*

***3.9. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:***

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất bao bì.

+ Đã được: chủ đầu tư phê duyệt, theo Quyết định số: ……. ngày …………

- Gồm: *(n)* công trình

Trong đó:

**Công trình số *(1-n)*: *(tên công trình).***

\* Loại công trình: Công nghiệp Cấp công trình: IV/III/II

\* Các thông tin chủ yếu của công trình:

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): 5.000,00 m2.

- Tổng diện tích sàn: 10.000,00 *m2* *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

- Chiều cao công trình: + 15,00 m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

- Số tầng: 02 *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

- Màu sắc công trình: xanh, xám.

***3.10. Đối với trường hợp di dời công trình:***

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: Công nghiệp. Cấp công trình: IV/III/II

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): 1.000,00 m2.

- Tổng diện tích sàn: 1.000,00 m2.

- Chiều cao công trình: + 10,00 m2.

- Địa điểm công trình di dời đến: KCN B.

- Lô đất số: a Diện tích N. m2.

- Tại: KCN B Đường: 01

- Số tầng: 01.

**4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:** ……………………………

- Tên đơn vị thiết kế: Công ty Đầu tư Xây dựng A

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số B. Cấp ngày: dd/mm/yyyy

- Tên chủ nhiệm thiết kế: Nguyễn Văn A

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: A do Sở Xây dựng tỉnh B Cấp ngày: dd/mm/yyyy.

- Địa chỉ: Số nhà, phường/xã, quận/huyện/Tp, tỉnh.

- Điện thoại: 0909 xxx xxx

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): B cấp ngày: dd/mm/yyyy.

**5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:** 18 tháng.

**6. Cam kết:** Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

*Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:*

1 -

2 -

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…… ngày ……tháng ….. năm ……* **Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư** *Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)*  **Nguyễn Văn A** |

**PHỤ LỤC SỐ 2**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG***(Sử dụng cho: Công trình)*

Kính gửi: BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI

1. Tên chủ đầu tư (C

- Tên chủ đầu tư: CÔNG TY A

- Người đại diện: Nguyễn Văn A Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Điện thoại liên hệ: 0251 xxx xxx. Fax: 0251 xxx xxxx

- Địa chỉ liên hệ: Số A Đường B KCN C, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Địa điểm xây dựng:

- Địa điểm xây dựng: KCN C, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Lô đất số: a, thửa đất số: b. Diện tích: N m2.

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: *(số, ngày, cơ quan cấp)*

Nội dung Giấy phép:

Công trình: (1-n):

- Diện tích xây dựng: 5.000,00 m2.

- Tổng diện tích sàn: 10.000,00 *m2* *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

- Chiều cao công trình: + 15,00 m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

- Số tầng: 02 *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

- Màu sắc công trình: xanh, xám.

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp *(hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại)*:

\* Đối với công trình điều chỉnh:

- Công trình: (1):

- Diện tích xây dựng: 5.200,00 m2.

- Tổng diện tích sàn: 10.200,00 *m2* *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*.

- Chiều cao công trình: + 15,00 m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum)*.

- Số tầng: 02 *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

- Màu sắc công trình: xanh, xám.

\* Đối với công trình gia hạn: Nêu lý do đề nghị gia hạn.

5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế: CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ A

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số A Cấp ngày: dd/mm/yyyy.

- Tên chủ nhiệm thiết kế: Nguyễn Văn A

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: ………….do …………… Cấp ngày: dd/mm/yyyy.

- Địa chỉ: Số, phường/xã, quận/huyện/TP, Tỉnh.

- Điện thoại: 0908 xxx xxx

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): …………… cấp ngày …………………

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn: ……. tháng.

7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

*Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:*

1 -

2 -

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………. ngày……tháng ….. năm ……* **Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư** *Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)*  Nguyễn Văn A |

**PHỤ LỤC SỐ 3**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

**BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ**

1. Tổ chức thiết kế:

1.1. Tên: CÔNG TY XÂY DỰNG A

1.2. Địa chỉ: SỐ A PHƯỜNG/XÃ, QUẬN/HUYỆN, TỈNH/TP

1.3. Số điện thoại: ………………………………………..

1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh: …………………………………….

2. Kinh nghiệm thiết kế: ………………………………….

2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:

a) Dự án nhà máy sản xuất ….. tại KCN A

Nhà xưởng 1: DTXD: ; Chiều cao: , Số tầng:

Nhà xưởng 2: DTXD: ; Chiều cao: , Số tầng:

Nhà Văn phòng: DTXD: ; Chiều cao: , Số tầng:

Bể nước PCCC:

b) Dự án nhà máy sản xuất ….. tại KCN B

Nhà xưởng 1: DTXD: ; Chiều cao: , Số tầng:

Nhà xưởng 2: DTXD: ; Chiều cao: , Số tầng:

Nhà Văn phòng: DTXD: ; Chiều cao: , Số tầng:

Bể nước PCCC:

c) Dự án nhà máy sản xuất ….. tại KCN C

Nhà xưởng 1: DTXD: ; Chiều cao: , Số tầng:

Nhà xưởng 2: DTXD: ; Chiều cao: , Số tầng:

Nhà Văn phòng: DTXD: ; Chiều cao: , Số tầng:

Bể nước PCCC:

2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:

a) Số lượng: N người.

Trong đó:

- Kiến trúc sư: A người.

- Kỹ sư các loại: B người.

b) Chủ nhiệm thiết kế:

- Họ và tên: Nguyễn Văn A

- Số chứng chỉ *(kèm photocopy chứng chỉ)*: ………………………………

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì *(tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ)*: Dự án sản xuất A tại KCN B.

c) Chủ trì thiết kế các bộ môn *(kê khai đối với tất cả các bộ môn)*:

- Họ và tên: Nguyễn Văn B

- Số chứng chỉ *(kèm photocopy chứng chỉ)*: …………………………………

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì *(tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ)*:

Nhà máy sản xuất C của Công ty D tại KCN E.

Quy mô:

Nhà xưởng B: DTXD: a m2; Tổng DT sàn: b m2, Chiều cao: + c m; số tầng: n.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……….., Ngày …… tháng.... năm ....* **Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế** *(Ký ghi rõ họ tên)* |

**LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**

*Mẫu MĐ-1*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

*Địa điểm, ngày 22 tháng 5 năm 2016*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP**  
**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

**Kính gửi: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai**

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):........PARK, HY - KYUN.................................................................

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):..........................................................................

Quốc tịch của thương nhân:...Hàn Quốc...........................................................

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh) No #1003, 411 Dong street 45, Wi city 4-ro ward, Ilsandong-gu District , Goyang-si City Gyeonggi-do Province, Korea...................................................................

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:..235169...........................................

Do:..Hàn Quốc...cấp ngày…15….tháng…5....năm...2012 tại….Hàn Quốc.......

Lĩnh vực hoạt động chính:.... Sản xuất vải các loại (vải dệt kim và dệt thoi).......

Vốn điều lệ:....22 tỷ VND, tương đương 1.000.0000 USD…….......................

Số tài khoản:...215793684.... tại Ngân hàng: Sinhan Bank Hàn Quốc .............

Điện thoại:........................................... Fax:............................................................

Email:................................................... Website: (nếu có)......................................

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.. Ông TAEHYUN KIM...............................................................

Chức vụ:....Giám đốc..........................................................................

Quốc tịch:......Hàn Quốc................................................................................

Tóm tắt quá trình hoạt động của thương nhân:.......................................................

.................................................................................................................................

**Đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam với nội dung cụ thể như sau:**

Tên Văn phòng đại diện /Chi nhánh[[1]](#footnote-1):..VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN BUCHOEN TẠI ĐỒNG NAI...................................................................

Tên viết tắt: (nếu có)........BUCHOEN DONA..................................................

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: … BUCHOEN DONA ………………………..

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố): Phân Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện /Chi nhánh: (nêu cụ thể lĩnh vực hoạt động)................................................................................................................

Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh:

Họ và tên: NGUYỂN VĂN LONG...................Giới tính:..Nam

Quốc tịch:.Việt Nam............................................................................

Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân:..271445023.................................

Do: Công an Đồng Nai cấp ngày 25 tháng 3 năm 2005 tại Đồng Nai

**Chúng tôi xin cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh.

**Tài liệu gửi kèm bao gồm:**

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương;

2. Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương;

3. Bản sao điều lệ hoạt động của Thương nhân nước ngoài (nếu có);

4. Bản sao điều lệ hoạt động của Chi nhánh;

5. Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân (nếu là người Việt Nam); Bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh;

6. Bản sao hợp đồng thuê địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)[[2]](#footnote-2)*

*Mẫu MĐ-2*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

*Địa điểm, ngày 22 tháng 5 năm 2016*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP**  
**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

**Kính gửi: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai**

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):........PARK, HY - KYUN.................................................................

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):...........................................................

Quốc tịch của thương nhân:...Hàn Quốc...........................................................

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh) No #1003, 411 Dong street 45, Wi city 4-ro ward, Ilsandong-gu District , Goyang-si City Gyeonggi-do Province, Korea...................................................................

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:..235169...........................................

Do:..Hàn Quốc...cấp ngày…15….tháng…5....năm...2012 tại….Hàn Quốc.......

Lĩnh vực hoạt động chính:.... Sản xuất vải các loại (vải dệt kim và dệt thoi).......

Vốn điều lệ:....22 tỷ VND, tương đương 1.000.0000 USD…….......................

Số tài khoản:...215793684.... tại Ngân hàng: Sinhan Bank Hàn Quốc .............

Điện thoại:........................................... Fax:.................................................

Email:................................................... Website: (nếu có) ...........................

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.. Ông TAEHYUN KIM..................................

Chức vụ:....Giám đốc.................................................

Quốc tịch:......Hàn Quốc..........................................................

Tên Văn phòng đại diện /Chi nhánh[[3]](#footnote-3):..VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN BUCHOEN TẠI ĐỒNG NAI...................................................................

Tên viết tắt: (nếu có)........BUCHOEN DONA..................................................

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: … BUCHOEN DONA ………………………..

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố): Phân Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Giấy phép thành lập số:....4735699102............................................................

Do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp ngày 15 tháng 02 năm 2017 tại Đồng Nai.

Số tài khoản ngoại tệ: 1597853461 tại Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại CP Đông Á.

Số tài khoản tiền Việt Nam: 235791685 tại Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại CP Đông Á.

Điện thoại:........................................... Fax:............................................................

Email:................................................... Website: (nếu có)......................................

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo Giấy phép)......................................................................................

Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh:

Họ và tên: NGUYỂN VĂN LONG...................Giới tính:..Nam

Quốc tịch:.Việt Nam............................................................................

Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân:..271445023.................................

Do: Công an Đồng Nai cấp ngày 25 tháng 3 năm 2005 tại Đồng Nai

**Chúng tôi đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập với các nội dung cụ thể như sau:**

Nội dung điều chỉnh:.....................................................

Lý do điều chỉnh:.............................................................

**Chúng tôi xin cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh.

**Tài liệu gửi kèm bao gồm:**

1. Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh đã được cấp;

2. Giấy tờ chứng minh người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh sắp mãn nhiệm đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước Việt Nam (trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);

3. Bản sao hộ chiếu, thị thực nhập cảnh (nếu là người nước ngoài) hoặc hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân (nếu là người Việt Nam) của người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh sắp kế nhiệm (trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);

4. Bản sao tài liệu pháp lý chứng minh sự thay đổi địa điểm của thương nhân nước ngoài trong phạm vi nước nơi thương nhân thành lập (trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);

5. Bản sao hợp đồng thuê địa điểm mới của Văn phòng đại diện/Chi nhánh (trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại điểm c và d khoản 1 Điều 10 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP).

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)[[4]](#footnote-4)*

*Mẫu MĐ-3*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

*Địa điểm, ngày 22 tháng 5 năm 2016*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THÀNH LẬP

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/CHI NHÁNH

**Kính gửi: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai**

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):........PARK, HY - KYUN.................................................................

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):.......................................

Quốc tịch của thương nhân:...Hàn Quốc......................................

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh) No #1003, 411 Dong street 45, Wi city 4-ro ward, Ilsandong-gu District , Goyang-si City Gyeonggi-do Province, Korea...................................................................

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:..235169...........................................

Do:..Hàn Quốc...cấp ngày…15….tháng…5....năm...2012 tại….Hàn Quốc.......

Lĩnh vực hoạt động chính:.... Sản xuất vải các loại (vải dệt kim và dệt thoi).......

Vốn điều lệ:....22 tỷ VND, tương đương 1.000.0000 USD…….......................

Số tài khoản:...215793684.... tại Ngân hàng: Sinhan Bank Hàn Quốc .............

Điện thoại:........................................... Fax:................................

Email:................................................... Website: (nếu có).............................

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.. Ông TAEHYUN KIM................

Chức vụ:....Giám đốc..........................

Quốc tịch:......Hàn Quốc.........

Tên Văn phòng đại diện /Chi nhánh[[5]](#footnote-5):..VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN BUCHOEN TẠI ĐỒNG NAI...................................................................

Tên viết tắt: (nếu có)........BUCHOEN DONA..................................................

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: … BUCHOEN DONA ………………………..

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố): Phân Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Giấy phép thành lập số:....4735699102............................................................

Do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp ngày 15 tháng 02 năm 2017 tại Đồng Nai.

Số tài khoản ngoại tệ: 1597853461 tại Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại CP Đông Á.

Số tài khoản tiền Việt Nam: 235791685 tại Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại CP Đông Á.

Điện thoại:........................................... Fax:......................................

Email:................................................... Website: (nếu có)............................

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo Giấy phép)..........................................................

Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh:

Họ và tên: NGUYỂN VĂN LONG...................Giới tính:..Nam

Quốc tịch:.Việt Nam............................................................................

Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân:..271445023.................................

Do: Công an Đồng Nai cấp ngày 25 tháng 3 năm 2005 tại Đồng Nai

**Chúng tôi đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập với lý do như sau:**

...........................................................................................

**Chúng tôi xin cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh.

**Tài liệu gửi kèm bao gồm:**

1. Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh đã được cấp (trong trường hợp cấp lại Giấy phép thành lập theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 11 và trường hợp bị rách theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP;

2. Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh đã được cấp (trong trường hợp cấp lại Giấy phép thành lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 và trường hợp bị mất, tiêu huỷ theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);

3. Xác nhận của cơ quan đã cấp Giấy phép về việc xoá đăng ký Văn phòng đại diện tại địa phương cũ (trong trường hợp cấp lại Giấy phép thành lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);

4. Bản sao hợp đồng thuê địa điểm mới của Văn phòng đại diện/Chi nhánh (trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);

5. Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài (trong trường hợp cấp lại Giấy phép thành lập theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 12 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP).

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)[[6]](#footnote-6)*

*Mẫu MĐ-3*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

*Địa điểm, ngày 22 tháng 5 năm 2016*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THÀNH LẬP

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/CHI NHÁNH

**Kính gửi: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai**

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):........PARK, HY - KYUN.........................

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):..............................................

Quốc tịch của thương nhân:...Hàn Quốc...........................................................

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh) No #1003, 411 Dong street 45, Wi city 4-ro ward, Ilsandong-gu District , Goyang-si City Gyeonggi-do Province, Korea.......

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:..235169........

Do:..Hàn Quốc...cấp ngày…15….tháng…5....năm...2012 tại….Hàn Quốc.......

Lĩnh vực hoạt động chính:.... Sản xuất vải các loại (vải dệt kim và dệt thoi).......

Vốn điều lệ:....22 tỷ VND, tương đương 1.000.0000 USD…….......................

Số tài khoản:...215793684.... tại Ngân hàng: Sinhan Bank Hàn Quốc .........

Điện thoại:........................................... Fax:.......................................

Email:................................................... Website: (nếu có).........................

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.. Ông TAEHYUN KIM..................

Chức vụ:....Giám đốc......................

Quốc tịch:......Hàn Quốc................

Tên Văn phòng đại diện /Chi nhánh[[7]](#footnote-7):..VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN BUCHOEN TẠI ĐỒNG NAI...................................................................

Tên viết tắt: (nếu có)........BUCHOEN DONA..................................................

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: … BUCHOEN DONA ………………………..

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố): Phân Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Giấy phép thành lập số:....4735699102............................................................

Do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp ngày 15 tháng 02 năm 2017 tại Đồng Nai.

Số tài khoản ngoại tệ: 1597853461 tại Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại CP Đông Á.

Số tài khoản tiền Việt Nam: 235791685 tại Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại CP Đông Á.

Điện thoại:........................................... Fax:....................................

Email:................................................... Website: (nếu có)........................

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo Giấy phép)..................................................

Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh:

Họ và tên: NGUYỂN VĂN LONG...................Giới tính:..Nam

Quốc tịch:.Việt Nam.................................................................

Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân:..271445023.................................

Do: Công an Đồng Nai cấp ngày 25 tháng 3 năm 2005 tại Đồng Nai

**Chúng tôi đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập với nội dung cụ thể như sau:**

1. Lý do đề nghị gia hạn:.............................................

2. Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm:..................................

**Chúng tôi xin cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh.

**Tài liệu gửi kèm bao gồm:**

1. Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh đã được cấp;

2. Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương;

3. Báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh tính từ thời điểm thành lập đến thời điểm đề nghị gia hạn (đối với trường hợp đề nghị gia hạn kể từ lần thứ hai, Văn phòng đại diện, Chi nhánh chỉ thực hiện báo cáo hoạt động từ thời điểm gia hạn gần nhất đến thời điểm đề nghị gia hạn kế tiếp).

4. Bản sao giấy tờ chứng minh Chi nhánh đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước Việt Nam trong thời gian hoạt động (chỉ áp dụng đối với trường hợp Chi nhánh đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập).

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)[[8]](#footnote-8)*

*Mẫu TB*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----------------------------------**

*Địa điểm, ngày 22 tháng 5 năm 2016*.

**THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG**  
**CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN…/CHI NHÁNH … TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai

Tên thương nhân: PARK, HY - KYUN

Tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam: (ghi bằng chữ in hoa tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh trong Giấy phép thành lập): VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN BUCHOEN TẠI ĐỒNG NAI. Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh số 243678991 Ngày cấp: 22 /5/2015.

Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi địa Điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh theo Giấy phép thành lập) Phân Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch VI, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại:.............. Fax:................. Email:...............Website: (nếu có) ..............

Thời hạn hoạt động: từ ngày 22 tháng 5 năm 2015 đến ngày 22 tháng 5 năm 2017.

11Thông báo việc thanh toán (hoặc chưa thanh toán) các Khoản nợ và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện…/Chi nhánh…:

1. Thuế: ................................................................................

2. Bảo hiểm xã hội:....................................................................................

3. Các Khoản khác:.....................................................................................

4. Các nghĩa vụ khác (nếu có): ...........................................................

**Đề nghị chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện…/Chi nhánh tại Việt Nam:**

Từ ngày 23 tháng 5 năm 2017

Lý do chấm dứt hoạt động: Hoạt động không hiệu quả.

**Chúng tôi cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Thông báo này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số [07/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) pháp luật Việt Nam liên quan đến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.*/.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài  *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

11 Trong trường hợp chấm dứt hoạt động do chuyển địa Điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 của Nghị định số [07/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=07/2016/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) không phải kê khai nội dung này.

**LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**

**PHỤ LỤC 2.1**

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH   
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG *(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

|  |  |
| --- | --- |
| (1) **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  --------------** |
| Số: ***243/ĐTM-Koken***  V/v thẩm định báo cáo ĐTM của dự án ***“sản xuất các thiết bị thảm điện, tấm lót điện, chăn điện, thiết bị sưởi ấm chân với công suất 988.000 sản phẩm/năm”*** | ***Nhơn Trạch,*****ngày 20 tháng 11 năm2017** |

Kính gửi: ***Ban Quản lý các KCN Đồng Nai***

Chúng tôi là, chủ dự án ***“Sản xuất các thiết bị thảm điện, tấm lót điện, chăn điện, thiết bị sưởi ấm chân với công suất 988.000 sản phẩm/năm”***, thuộc mục số ***98*** Phụ lục II (hoặc thuộc mục số ... Phụ lục III) Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Dự án đầu tư do  ***Công ty TNHH ACB*** phê duyệt.

- Địa điểm thực hiện dự án: ***Lô 5, đường số 6, KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai***

- Địa chỉ liên hệ: ***Lô 5, đường số 6, KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai*** .

- Điện thoại: Fax***: 12345***; E-mail: ***abc@gmail.com***

Chúng tôi gửi đến quý ***Ban Quản lý các KCN Đồng Nai*** hồ sơ gồm:

- Một (01) bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương.

- Bảy (07) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị ***Ban Quản lý các KCN Đồng Nai*** thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;  - Lưu: ***Koken*** | ***Công ty TNHH ACB***  ***Tổng Giam đốc***  (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) |

*Ghi chú: (1) chủ dự án; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án; (3) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.*

**PHỤ LỤC 2.2**

**MẪU TRANG BÌA, TRANG PHỤ BÌA CỦA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG***(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cơ quan chủ quản/phê duyệt dự án (nếu có)  ***Công ty TNHH ACB***  **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**  của dự án: ***“Sản xuất các thiết bị thảm điện, tấm lót điện, chăn điện, thiết bị sưởi ấm chân với công suất 988.000 sản phẩm/năm” của Công ty TNHH ACB***  Địa chỉ: ***Lô 5, đường số 6, KCN Nhơn Trạch 1,  huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.***   |  |  | | --- | --- | | CHỦ DỰ ÁN (\*) (ký, ghi họ tên, đóng dấu) | ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có) (\*) (ký, ghi họ tên, đóng dấu) |   Địa danh(\*\*), tháng ... năm ... |

*Ghi chú:*

*(1) Tên cơ quan chủ dự án;*

*(2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án;*

*(\*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa;*

*(\*\*) Ghi địa danh cấp tỉnh nơi thực hiện dự án hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án.*

**MỤC LỤC**

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

**DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ**

**PHỤ LỤC 2.3**

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

**MỞ ĐẦU**

**1. Xuất xứ của dự án**

1.1. Trình bày tóm tắt về xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của dự án, sự cần thiết phải đầu tư dự án, trong đó nêu rõ loại hình dự án mới, dự án cải tạo, dự án mở rộng, dự án nâng cấp, dự án nâng công suất, dự án điều chỉnh, dự án bổ sung hay dự án loại khác.

*Lưu ý:*

*- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất phải nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành, cơ quan ban hành kèm theo bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc văn bản thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc văn bản thông báo về việc xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước đó (nếu có);*

*- Đối với trường hợp dự án phải lập lại báo cáo phải nêu rõ lý do lập lại và nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành, cơ quan ban hành kèm theo bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án trước đó đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.*

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương.

1.3. Mối quan hệ của dự án với các dự án, quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt (nêu rõ hiện trạng của các dự án, quy hoạch phát triển có liên quan đến dự án).

1.4. Trường hợp dự án nằm trong khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác thì phải nêu rõ tên gọi của các khu đó, sao và đính kèm các văn bản sau đây (nếu có) vào Phụ lục của báo cáo ĐTM:

- Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng của khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác.

- Văn bản xác nhận việc đã thực hiện, hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác.

**2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM**

2.1. Liệt kê các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án.

*Lưu ý: Cần nêu đầy đủ, chính xác về số hiệu, ngày ban hành, trích yếu nội dung, cơ quan ban hành của từng văn bản.*

2.2. Liệt kê đầy đủ các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình đánh giá tác động môi trường.

**3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường**

- Nêu tóm tắt về việc tổ chức thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của chủ dự án, trong đó chỉ rõ việc có thuê hay không thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM. Trường hợp không thuê đơn vị tư vấn phải nêu rõ cơ quan Chủ dự án có bộ phận chuyên môn, cán bộ chuyên trách về môi trường. Trường hợp có thuê đơn vị tư vấn, nêu rõ tên đơn vị tư vấn, họ và tên người đại diện theo pháp luật, địa chỉ liên hệ của đơn vị tư vấn.

- Danh sách (có chữ ký) của những người trực tiếp tham gia ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án.

*Lưu ý: Nêu rõ các thành viên của chủ dự án và các thành viên của đơn vị tư vấn (nếu có), nêu rõ học hàm, học vị, chuyên ngành đào tạo, và nội dung phụ trách trong quá trình ĐTM của từng thành viên và thông tin về chứng chỉ tư vấn ĐTM, gồm có: số, ngày, tháng, cơ quan cấp chứng chỉ theo quy định của pháp luật về quản lý và cấp chứng chỉ tư vấn ĐTM.*

**4. Các phương pháp áp dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường**

Liệt kê đầy đủ các phương pháp đã được sử dụng cụ thể ở nội dung nào trong quá trình thực hiện ĐTM và phân thành hai (2) nhóm:

- Các phương pháp ĐTM;

- Các phương pháp khác (điều tra, khảo sát, nghiên cứu, đo đạc, phân tích môi trường, v.v.).

*- Lưu ý: Chỉ rõ mục đích áp dụng của từng phương pháp.*

**Chương 1**

**MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN**

**1.1. Tên dự án**

Nêu chính xác tên gọi của dự án (theo báo cáo đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương của dự án).

**1.2. Chủ dự án**

Nêu đầy đủ, chính xác tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án; họ tên và chức danh của người đại diện theo pháp luật của chủ dự án.

**1.3. Vị trí địa lý của dự án**

Mô tả rõ ràng vị trí địa lý (gồm cả tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới...) của địa điểm thực hiện dự án trong mối tương quan với:

- Các đối tượng tự nhiên (hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối, ao, hồ và các nguồn nước khác; rừng, khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ thiên nhiên thế giới...);

- Các đối tượng kinh tế - xã hội (khu dân cư; khu đô thị; các đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các công trình văn hóa, tôn giáo; các di tích lịch sử..);

- Các đối tượng khác xung quanh khu vực dự án có khả năng bị tác động bởi dự án.

*Lưu ý: Các thông tin về các đối tượng tại mục này phải được thể hiện trên sơ đồ vị trí địa lý ở tỷ lệ phù hợp (trường hợp cần thiết, chủ dự án bổ sung bản đồ hành chính vùng dự án hoặc ảnh vệ tinh) và có chú giải rõ ràng.*

- Các phương án vị trí (nếu có) và phương án lựa chọn.

*Lưu ý:*

*- Mô tả cụ thể hiện trạng quản lý và sử dụng đất trên diện tích đất của dự án;*

*- Cần thuyết minh rõ về sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với các quy định pháp luật và các quy hoạch phát triển có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

**1.4. Nội dung chủ yếu của dự án (phương án chọn)**

***1.4.1. Mô tả mục tiêu của dự án***

***1.4.2. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của dự án***

Liệt kê đầy đủ, mô tả chi tiết về khối lượng và quy mô (không gian và thời gian) của các hạng mục, theo từng giai đoạn của dự án có khả năng gây tác động đến môi trường trong quá trình thực hiện dự án, kèm theo sơ đồ, bản vẽ mặt bằng tổng thể bố trí tất cả các hạng mục công trình hoặc các sơ đồ, bản vẽ riêng lẻ cho từng hạng mục công trình có khả năng gây tác động đến môi trường. Các công trình được phân thành 2 loại sau:

- Các hạng mục công trình chính: công trình phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án;

- Các hạng mục công trình phụ trợ: giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, cung cấp điện, cung cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư, cây xanh, trạm xử lý nước thải, nơi xử lý hoặc trạm tập kết chất thải rắn, các công trình bảo vệ rừng, tài nguyên thủy sản, phòng chống xâm nhập mặn, lan truyền nước phèn, ngăn ngừa thay đổi chế độ thủy văn, phòng chống xói lở, bồi lắng; các công trình ứng phó sự cố tràn dầu, cháy nổ, sự cố môi trường và các công trình khác (tùy thuộc vào loại hình dự án).

***1.4.3. Biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.***

Mô tả chi tiết, cụ thể về các biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và nêu rõ cơ sở lựa chọn biện pháp, công nghệ.

***1.4.4. Công nghệ sản xuất, vận hành***

Mô tả chi tiết, cụ thể về công nghệ sản xuất, vận hành của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và nêu rõ cơ sở lựa chọn công nghệ kèm theo sơ đồ minh họa. Trên sơ đồ minh họa, chỉ rõ các yếu tố có khả năng phát sinh, như: nguồn phát sinh chất thải và các yếu tố gây tác động khác không do chất thải gây ra như thay đổi cân bằng nước, bồi lắng, xói lở, chấn động, ồn, xâm phạm vùng sinh thái tự nhiên, xâm phạm vào khu dân cư, điểm di tích, công trình tôn giáo văn hóa, khu sản xuất, kinh doanh.

***1.4.5. Danh mục máy móc, thiết bị dự kiến***

Liệt kê các loại máy móc, thiết bị chính cần có của dự án.

***1.4.6. Nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và các sản phẩm (đầu ra) của dự án***

Liệt kê đầy đủ thành phần và tính chất của các loại nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và các sản phẩm (đầu ra) của dự án kèm theo chỉ dẫn về tên thương mại và công thức hóa học (nếu có).

***1.4.7. Tiến độ thực hiện dự án***

Mô tả chi tiết về tiến độ thực hiện các hạng mục công trình theo từng giai đoạn của dự án từ khi bắt đầu cho đến khi hoàn thành, đi vào vận hành chính thức và có thể thể hiện dưới dạng biểu đồ.

***1.4.8. Vốn đầu tư***

Nêu rõ tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của dự án, trong đó chỉ rõ mức đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường của dự án.

***1.4.9. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án***

Thể hiện rõ nhu cầu nhân lực, cơ cấu tổ chức quản lý và mối liên hệ giữa các phòng, ban; tổ chức ăn ở, sinh hoạt cho công nhân theo các giai đoạn của dự án. Minh họa các thông tin về tổ chức quản lý của dự án bằng một sơ đồ khối.

Đối với bộ phận chuyên trách về môi trường, phải phản ánh rõ số lượng cán bộ, chuyên môn và trình độ đào tạo.

***Yêu cầu:***

*Trên cơ sở các nội dung chủ yếu của dự án đã được trình bày ở phần trên (quy mô của dự án; các giai đoạn của dự án; biện pháp, khối lượng thi công các hạng mục công trình; công nghệ sản xuất, vận hành; nhu cầu về năng lượng, nguyên, nhiên vật liệu, nhu cầu sử dụng nước, thiết bị máy móc và tiến độ thực hiện), thống kê tóm tắt các thông tin chính dưới dạng bảng sau:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Các giai đoạn của dự án* | *Các hoạt động* | *Tiến độ thực hiện* | *Công nghệ/cách thức thực hiện* | *Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* |
| *Chuẩn bị* |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Xây dựng* |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Vận hành* |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Giai đoạn khác (nếu có)* |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

*Đối với các dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất trong nội dung chương này phải làm rõ thêm các thông tin về thực trạng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở hiện hữu, các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng trong dự án cải tạo, dự án mở rộng, dự án nâng cấp; các công trình, thiết bị sẽ thay đổi, điều chỉnh, bổ sung, kết nối với các hạng công trình mới.*

**Chương 2**

**ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**2.1. Điều kiện môi trường tự nhiên**

***2.1.1. Điều kiện về địa lý, địa chất***

Đề cập và mô tả những đối tượng, hiện tượng, quá trình có thể bị tác động bởi dự án (đối với dự án có làm thay đổi các yếu tố địa lý, cảnh quan; dự án khai thác khoáng sản và dự án liên quan đến các công trình ngầm thì phải mô tả một cách chi tiết).

***2.1.2. Điều kiện về khí hậu, khí tượng***

Nêu rõ các yếu tố khí hậu, khí tượng đặc trưng với chuỗi số liệu đủ dài, phù hợp với loại hình dự án, địa điểm thực hiện dự án để làm cơ sở đầu vào tính toán, dự báo các tác động của dự án như nhiệt độ, hướng và vận tốc gió, lượng mưa, v.v... đặc biệt, chú ý làm rõ các hiện tượng bất thường.

***2.1.3. Điều kiện thủy văn/hải văn***

Mô tả đặc trưng thủy văn/hải văn với chuỗi số liệu đủ dài, phù hợp với loại hình dự án, địa điểm thực hiện dự án để làm cơ sở tính toán, dự báo các tác động của dự án như mực nước, lưu lượng, tốc độ dòng chảy, v.v..

***2.1.4. Hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường đất, nước, không khí***

- Làm rõ chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án như môi trường không khí tiếp nhận trực tiếp nguồn khí thải của dự án (lưu ý hơn đến các vùng bị ảnh hưởng ở cuối các hướng gió chủ đạo), nguồn nước tiếp nhận nước thải của dự án, chất lượng đất khu vực dự kiến thực hiện dự án, v.v..

- Đưa ra đánh giá, nhận xét về chất lượng môi trường so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, nhận định về nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm; thực hiện đánh giá sơ bộ về sức chịu tải của môi trường khu vực dự án trong trường hợp có đủ cơ sở dữ liệu về môi trường trên cơ sở kết quả lấy mẫu, phân tích các thành phần môi trường.

- Nêu rõ các vị trí lấy mẫu phân tích chất lượng các thành phần môi trường theo quy định hiện hành.

- Các điểm đo đạc, lấy mẫu phải có mã số, tọa độ, có chỉ dẫn về thời gian, địa điểm, đồng thời, phải được thể hiện bằng các biểu, bảng rõ ràng và được minh họa bằng sơ đồ bố trí các điểm trên nền bản đồ khu vực thực hiện dự án. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích phải tuân thủ quy trình, quy phạm về quan trắc, phân tích môi trường và phải được thực hiện bởi đơn vị chức năng được cấp có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện.

- Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án.

*Lưu ý: Đối với dự án có liên quan đến phóng xạ, trong mục 2.1.4 cần trình bày rõ hoạt động quan trắc phóng xạ, kết quả quan trắc; đánh giá hiện trạng và sơ bộ phân tích nguyên nhân.*

***2.1.5. Hiện trạng tài nguyên sinh vật***

Hiện trạng đa dạng sinh học của khu vực dự án và các khu vực chịu ảnh hưởng của dự án, bao gồm:

- Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học trên cạn có thể bị tác động bởi dự án, bao gồm: nơi cư trú, các vùng sinh thái nhạy cảm (đất ngập nước nội địa, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, khu di sản thiên nhiên thế giới trong và lân cận khu vực dự án); khoảng cách từ dự án đến các vùng sinh thái nhạy cảm gần nhất; diện tích các loại rừng (nếu có); danh mục và hiện trạng các loài thực vật, động vật hoang dã, trong đó có các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu có trong vùng có thể bị tác động do dự án;

- Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học biển và đất ngập nước ven biển có thể bị tác động bởi dự án, bao gồm: đặc điểm hệ sinh thái biển và đất ngập nước ven biển, danh mục và hiện trạng các loài phiêu sinh, động vật đáy, cá và tài nguyên thủy, hải sản khác (nếu có).

*Yêu cầu đối với mục 2.1:*

*- Cần có số liệu mới nhất về điều kiện môi trường tự nhiên trên cơ sở khảo sát thực tế do chủ đầu tư hoặc đơn vị tư vấn thực hiện. Nếu là số liệu của các đơn vị khác cần ghi rõ nguồn, thời gian khảo sát;*

*- Chỉ dẫn nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo, sử dụng.*

**2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội**

***2.2.1. Điều kiện về kinh tế***

Nếu rõ các hoạt động kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, khai khoáng, du lịch, thương mại, dịch vụ và các ngành khác), nghề nghiệp, thu nhập của các hộ bị ảnh hưởng do các hoạt động triển khai dự án.

***2.2.2. Điều kiện về xã hội***

- Nêu rõ đặc điểm dân số, điều kiện y tế, văn hóa, giáo dục, mức sống, tỷ lệ hộ nghèo, các công trình văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử, khu dân cư, khu đô thị và các công trình liên quan khác chịu tác động của dự án.

- Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm kinh tế - xã hội khu vực dự án.

*Yêu cầu đối với mục 2.2:*

*- Số liệu về kinh tế - xã hội phải được cập nhật tại thời điểm thực hiện ĐTM và được trích dẫn về nguồn gốc, thời gian, đảm bảo độ tin cậy;*

*- Đối với các dự án đầu tư vào khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, nội dung của mục 2.2 chỉ nêu hoạt động đầu tư phát triển và hoạt động bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.*

**Chương 3**

**ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

***Nguyên tắc chung:*** *Việc đánh giá, dự báo tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội và cộng đồng dân cư được thực hiện theo các giai đoạn chuẩn bị, xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (tháo dỡ, đóng cửa, cải tạo phục hồi môi trường và các hoạt động khác có khả năng gây tác động đến môi trường) của dự án (nếu có) và phải được cụ thể hóa cho từng nguồn gây tác động, đến từng đối tượng bị tác động. Mỗi tác động đều phải được đánh giá cụ thể, chi tiết về mức độ, về quy mô không gian và thời gian (đánh giá định lượng, định tính, chi tiết và cụ thể cho dự án đó bằng các phương pháp tính toán hoặc mô hình hóa (trong các trường hợp có thể sử dụng mô hình) để xác định các tác động).*

**3.1. Đánh giá, dự báo tác động**

***3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn chuẩn bị của dự án***

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá tính phù hợp của vị trí dự án với điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế-xã hội khu vực thực hiện dự án;

- Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất, di dân, tái định cư (đặc biệt đối với các hộ dân bị mất đất ở, đất canh tác, mất việc làm);

- Đánh giá tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng (phát quang thảm thực vật, san lấp tạo mặt bằng và hoạt động khác).

***3.1.2. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn thi công xây dựng dự án***

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần phải tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động khai thác vật liệu xây dựng phục vụ dự án (nếu thuộc phạm vi dự án);

- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;

- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án hoặc các hoạt động triển khai thực hiện dự án (đối với các dự án không có các hạng mục công trình xây dựng).

***3.1.3. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn hoạt động/vận hành của dự án***

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn hoạt động/vận hành dự án cần phải tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh chất thải (khí, lỏng, rắn);

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải.

***3.1.4. Đánh giá, dự báo tác động giai đoạn khác (tháo dỡ, đóng cửa, cải tạo, phục hồi môi trường và các hoạt động khác có khả năng gây tác động đến môi trường) của dự án (nếu có).***

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần tập trung dự báo các nguồn chất thải tồn lưu sau giai đoạn vận hành và những vấn đề môi trường liên quan đến hoạt động phá dỡ các công trình, phục hồi, cải tạo môi trường khu vực dự án.

*Yêu cầu đối với các mục 3.1.1, 3.1.2, 3.1.3 và 3.1.4:*

*- Từng nguồn gây tác động phải được đánh giá tác động theo đối tượng bị tác động, phạm vi, mức độ tác động, xác suất xảy ra tác động, khả năng phục hồi của các đối tượng bị tác động;*

*- Cần làm rõ nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải: cần cụ thể hóa về thải lượng, tải lượng và nồng độ của tất cả các thông số chất thải đặc trưng cho dự án và so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, cụ thể hóa về không gian và thời gian phát sinh chất thải;*

*- Cần làm rõ nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải (tiếng ồn, độ rung, xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; mất rừng, thảm thực vật, động vật hoang dã, tác động đến hệ sinh thái nhạy cảm, suy thoái các thành phần môi trường vật lý và sinh học; biến đổi đa dạng sinh học, các tác động do biến đổi khí hậu và các nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải khác);*

*- Các tác động tiêu cực và tích cực quan trọng nhất cần được đánh giá, dự báo gồm: tác động đến các thành phần môi trường tự nhiên; tác động đến đa dạng sinh học; tác động đến sức khỏe cộng đồng; tác động đến biến đổi khí hậu;*

*- Việc đánh giá, dự báo các tác động đến sức khỏe cộng đồng phải làm rõ được mức độ của các tác động gắn với quy mô và phạm vi cộng đồng chịu tác động;*

*- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất phải đánh giá, dự báo tác động tích lũy (tổng hợp) những nguồn thải mới và nguồn phát thải ở cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hiện hữu.*

**5.1.5. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án**

- Việc đánh giá, dự báo tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng do các rủi ro, sự cố của dự án gây ra cần dựa trên cơ sở kết quả dự báo rủi ro, sự cố của dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương) hoặc dựa trên cơ sở giả định các rủi ro, sự cố xảy ra trong các giai đoạn của dự án (chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (nếu có));

- Chỉ dẫn cụ thể về mức độ, không gian và thời gian xảy ra tác động do rủi ro, sự cố.

***3.2. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo***

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án. Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan (như thiếu thông tin, dữ liệu; số liệu, dữ liệu hiện có đã bị lạc hậu; số liệu, dữ liệu tự tạo lập chưa có đủ độ chính xác, tin cậy; thiếu hoặc độ tin cậy của phương pháp đánh giá có hạn; trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ về ĐTM có hạn; các nguyên nhân khác).

*Lưu ý: Việc đánh giá, dự báo các tác động không liên quan đến chất thải (như tiếng ồn, độ rung, xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; mất rừng, thảm thực vật, suy thoái các thành phần môi trường vật lý; mất, suy giảm đa dạng sinh học, v.v...) phải làm rõ được quy mô, mức độ của các tác động gắn với yếu tố thời gian và đối tượng chịu tác động.*

**Chương 4**

**BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC VÀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ RỦI RO, SỰ CỐ CỦA DỰ ÁN**

**4.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án**

***4.1.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn chuẩn bị***

***4.1.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng***

***4.1.3. Biện pháp phòng ngừa giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn vận hành***

***4.1.4. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn khác (nếu có)***

**4.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án**

***4.2.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn chuẩn bị***

***4.2.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng***

***4.2.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn vận hành***

***4.2.4. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn khác (nếu có)***

Trên cơ sở kết quả đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng do các rủi ro, sự cố của dự án gây ra cần đề xuất các biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro theo từng giai đoạn của dự án (chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (nếu có)).

**4.3. Phương án tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

- Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

- Nêu rõ tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

*Yêu cầu:*

*- Đối với mỗi giai đoạn nêu tại mục 4.1 và 4.2 Phụ lục này, việc đề ra các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng cần phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:*

*+ Mỗi tác động tiêu cực đã được đánh giá dự báo trong Chương 3 đều phải có biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tương ứng. Trong trường hợp không thể có biện pháp khả thi thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị về phương hướng, cách thức giải quyết;*

*+ Phải nêu rõ sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu, các tác động tiêu cực sẽ được giảm đến mức nào, có so sánh đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành;*

*+ Mỗi biện pháp đưa ra phải được cụ thể hóa về tính khả thi của biện pháp, không gian, thời gian và hiệu quả áp dụng của biện pháp;*

*+ Trường hợp các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu những tác động tiêu cực của dự án liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, phải kiến nghị cụ thể tên các cơ quan, tổ chức đó và đề xuất phương án phối hợp giải quyết;*

*- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất nội dung của các Điểm 4.1.3 và 4.2.3 Phụ lục này cần nêu rõ kết quả của việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của cơ sở đang hoạt động và phân tích các nguyên nhân của các kết quả đó; hiện trạng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường hiện có của cơ sở đang hoạt động và mối liên hệ của các công trình, biện pháp này với hệ thống công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.*

**Chương 5**

**CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG**

**5.1. Chương trình quản lý môi trường**

Chương trình quản lý môi trường được thiết lập trên cơ sở tổng hợp kết quả của các Chương 1,3,4 dưới dạng bảng như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Các giai đoạn của dự án | Các hoạt động của dự án | Các tác động môi trường | Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường | Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường | Thời gian thực hiện và hoàn thành | Trách nhiệm tổ chức thực hiện | Trách nhiệm giám sát |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Chuẩn bị |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Xây dựng |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Vận hành |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Giai đoạn khác của dự án (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**5.2. Chương trình giám sát môi trường**

Chương trình giám sát môi trường phải được đặt ra cho suốt quá trình thực hiện dự án, được thiết kế theo các giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác của dự án (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung giám sát chất thải và giám sát các vấn đề môi trường khác, cụ thể như sau:

- Giám sát nước thải và khí thải: phải giám sát lưu lượng thải và các thông số đặc trưng của các nguồn nước thải, khí thải sau xử lý với tần suất tối thiểu 01 lần/03 tháng (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác); vị trí các điểm giám sát phải được mô tả rõ và thể hiện trên sơ đồ với chú giải rõ ràng.

- Giám sát chất thải rắn: giám sát tổng lượng thải (khi có chất thải phát sinh) tại vị trí lưu giữ tạm thời.

- Việc giám sát tự động liên tục chất thải thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể:

+ Giám sát tự động liên tục nước thải: ngoài việc giám sát định kỳ, việc giám sát tự động liên tục nước thải áp dụng đối với nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp; nước thải sau xử lý của dự án nằm ngoài khu công nghiệp có quy mô xả nước thải từ 1.000 m³/ngày đêm trở lên (không bao gồm nước làm mát).

+ Giám sát tự động liên tục khí thải: ngoài việc giám sát định kỳ, việc giám sát tự động liên tục khí thải sau xử lý áp dụng đối với các dự án: sản xuất xi măng; nhà máy nhiệt điện (trừ nhà máy nhiệt điện sử dụng nhiên liệu khí tự nhiên); sản xuất phôi thép công suất trên 200.000 tấn sản phẩm/năm; nhà máy sản xuất hóa chất và phân bón hóa học công suất trên 10.000 tấn sản phẩm/năm; nhà máy công nghiệp sản xuất dầu mỏ công suất trên 10.000 tấn sản phẩm/năm; lò hơi công nghiệp công suất trên 20 tấn hơi/giờ.

- Giám sát môi trường xung quanh: chỉ áp dụng cho giai đoạn hoạt động của các dự án có phát sinh phóng xạ với tần suất tối thiểu 01 lần/06 tháng; vị trí các điểm giám sát phải được lựa chọn để đảm bảo tính đại diện và phải được mô tả rõ kèm theo sơ đồ minh họa.

- Giám sát các vấn đề môi trường khác (trong trường hợp dự án có thể gây tác động đến): các hiện tượng trượt, sụt, lở, lún, xói lở bồi lắng; sự thay đổi mực nước mặt, nước ngầm, xâm nhập mặn, xâm nhập phèn, các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ nhằm theo dõi được sự biến đổi theo không gian và thời gian của các vấn đề này với tần suất tối thiểu 01 lần/06 tháng.

*Yêu cầu:*

*- Đối với giám sát chất thải: chỉ thực hiện giám sát các loại chất thải hoặc thông số có trong chất thải mà dự án có khả năng phát thải ra môi trường;*

*- Phải thiết kế vị trí lấy mẫu chất thải theo quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành (nếu có);*

*- Việc lấy mẫu, đo đạc, phân tích các thông số môi trường phải được thực hiện bởi các đơn vị được cấp có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện;*

*- Kết quả giám sát các thông số môi trường phải được đối sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.*

**Chương 6**

**THAM VẤN CỘNG ĐỒNG**

**6.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng**

Nêu tóm tắt quá trình tổ chức tham vấn ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án và quá trình tổ chức tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án dưới hình thức họp cộng đồng dân cư như sau:

*6.1.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức tham vấn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án*

Mô tả rõ quá trình tổ chức tham vấn cộng đồng đã được thực hiện và nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành của văn bản do chủ dự án gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án và các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án; số, ký hiệu, thời gian ban hành của văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án.

Trường hợp không nhận được ý kiến trả lời bằng văn bản của một số Ủy ban cấp xã, tổ chức chịu tác động, phải chứng minh việc đã gửi văn bản đến các cơ quan này nhưng không nhận được ý kiến phản hồi.

*6.1.2. Tóm tắt về quá trình tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án*

Nêu rõ việc phối hợp của chủ dự án với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án trong việc đồng chủ trì họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án, trong đó làm rõ thông tin về các thành phần tham gia cuộc họp.

**6.2. Kết quả tham vấn cộng đồng**

*6.2.1. Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án*

Nêu rõ các ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức chịu tác động trực tiếp về các nội dung của báo cáo ĐTM và các kiến nghị kèm theo (nếu có).

*6.2.2. Ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án*

Nêu tóm tắt các ý kiến góp ý với trình bày của chủ dự án về nội dung báo cáo ĐTM của dự án tại cuộc họp tham vấn cộng đồng dân cư; kiến nghị của cộng đồng dân cư.

*6.2.3. Ý kiến phản hồi và cam kết của chủ dự án đối với các đề xuất, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được tham vấn*

Nêu rõ những ý kiến tiếp thu và giải trình những ý kiến không tiếp thu của chủ dự án đối với các ý kiến góp ý, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được tham vấn; cam kết của chủ dự án về việc thực hiện những ý kiến tiếp thu.

*Lưu ý: Bản sao các văn bản của chủ dự án gửi xin ý kiến tham vấn, văn bản trả lời của các cơ quan, tổ chức được xin ý kiến; bản sao Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án phải được đính kèm tại Phụ lục của báo cáo ĐTM.*

**KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT**

**1. Kết luận**

Phải có kết luận về các vấn đề, như: đã nhận dạng và đánh giá được hết các tác động chưa, vấn đề gì còn chưa dự báo được; đánh giá tổng quát về mức độ, quy mô của các tác động đã xác định; mức độ khả thi của các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng chống, ứng phó các sự cố, rủi ro môi trường; các tác động tiêu cực nào không thể có biện pháp giảm thiểu vì vượt quá khả năng cho phép của chủ dự án và nêu rõ lý do.

**2. Kiến nghị**

Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan giúp giải quyết các vấn đề vượt khả năng giải quyết của dự án.

**3. Cam kết**

Các cam kết của chủ dự án về việc thực hiện chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Chương 5 (bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà dự án bắt buộc phải áp dụng); thực hiện các cam kết với cộng đồng như đã nêu tại mục 6.2.3 Chương 6 của báo cáo ĐTM; tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan trong các giai đoạn của dự án gồm:

- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong giai đoạn chuẩn bị của dự án;

- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong các giai đoạn xây dựng của dự án;

- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn từ khi dự án đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc dự án;

- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn đóng cửa dự án (nếu có);

- Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.

**CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO**

Liệt kê các nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo (không phải do chủ dự án tự tạo lập) trong quá trình đánh giá tác động môi trường (tác giả, thời gian, tên gọi, nơi phát hành của tài liệu, dữ liệu).

*Yêu cầu: Các tài liệu tham khảo phải liên kết chặt chẽ với phân thuyết minh của báo cáo ĐTM.*

**PHỤ LỤC**

Đính kèm trong Phụ lục của báo cáo ĐTM các loại tài liệu sau đây:

- Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến dự án (không bao gồm các văn bản pháp lý chung của Nhà nước);

- Các sơ đồ (bản vẽ, bản đồ) khác liên quan đến dự án nhưng chưa được thể hiện trong các chương của báo cáo ĐTM;

- Các phiếu kết quả phân tích các thành phần môi trường (không khí, tiếng ồn, nước, đất, trầm tích, tài nguyên sinh vật...) có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của Thủ trưởng cơ quan phân tích và đóng dấu;

- Bản sao các văn bản liên quan đến tham vấn cộng đồng và các phiếu điều tra xã hội học (nếu có);

- Các hình ảnh liên quan đến khu vực dự án (nếu có);

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

*Yêu cầu: Các tài liệu nêu trong Phụ lục phải liên kết chặt chẽ với phần thuyết minh của báo cáo ĐTM.*

**PHỤ LỤC 2.9**

MẪU TRANG BÌA KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Công ty TNHH ABC***  **KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG**  của *dự án:* ***“sản xuất các thiết bị thảm điện, tấm lót điện, chăn điện, thiết bị sưởi ấm chân với công suất 988.000 sản phẩm/năm” của Công ty TNHH ABC tại Lô 5, đường số 6, KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai*** .   |  |  | | --- | --- | |  | ***Công ty TNHH ABC*** (ký, ghi họ tên, đóng dấu) (\*) |   Địa danh(\*\*), tháng ... năm |

*Ghi chú:*

*(1) Chủ dự án;*

*(2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án;*

*(\*) Chỉ thể hiện tại trang phụ bìa;*

*(\*\*) Địa danh cấp tỉnh nơi thực hiện dự án hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án.*

**PHỤ LỤC 2.10**

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

|  |  |
| --- | --- |
| (1) **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
|  | *(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...* |

**KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG**

của dự án ***sản xuất các thiết bị thảm điện, tấm lót điện, chăn điện, thiết bị sưởi ấm chân với công suất 988.000 sản phẩm/năm” của Công ty TNHH ABC tại Lô 5, đường số 6, KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai***

.**1. Thông tin chung về dự án và chủ dự án**

Tên chủ dự án: ***Công ty TNHH ABC***

Địa chỉ: *):* ***Lô 5, đường số 6, KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai*** .

Điện thoại: ***…12345…***….; Fax: ***…12345..;***

Tên dự án: *):* ***“sản xuất các thiết bị thảm điện, tấm lót điện, chăn điện, thiết bị sưởi ấm chân với công suất 988.000 sản phẩm/năm”***

Địa điểm thực hiện dự án: ***Lô 5, đường số 6, KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai*** .

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số: ***123/QĐ-KCNĐN. ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Ban Quản lý các KCN.***

**2. Nội dung chính của kế hoạch quản lý môi trường**

2.1. Biện pháp, kế hoạch giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong giai đoạn chuẩn bị (nếu có) và giai đoạn xây dựng dự án, bao gồm:

- Giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nước mặt (nếu có);

- Giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nước ngầm (nếu có);

- Giảm thiểu tác động xấu đến môi trường không khí (nếu có);

- Giảm thiểu tác động xấu do tiếng ồn, độ rung (nếu có);

- Giảm thiểu tác động xấu đến cộng đồng dân cư (nếu có);

- Thu gom, lưu giữ tạm thời, vận chuyển và xử lý chất thải;

- Giảm thiểu các tác động xấu khác (nếu có).

2.2. Dự kiến kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (nếu có), bao gồm:

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt;

- Công trình xử lý nước thải sản xuất;

- Công trình xử lý khí thải;

- Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại;

- Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có).

*Lưu ý: nội dung kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án cần nêu rõ thời gian dự kiến xây dựng, lắp đặt và hoàn thành.*

2.3. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:

*Lưu ý: nội dung chương trình giám sát môi trường cần nêu rõ vị trí giám sát, tần suất giám sát, thông số giám sát và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đánh giá chất lượng mẫu môi trường kèm theo sơ đồ vị trí lấy mẫu đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - …; - Lưu: … | (4) (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) |

*Ghi chú: (1) Chủ dự án; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án; (3) Tổ chức nơi tiến hành tham vấn, cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.*

**PHỤ LỤC 2.12**

MẪU VĂN BẢN THÔNG BÁO KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Công ty TNHH AB***C  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: … | *(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...* |

Kính gửi: Ban Quản lý các KCN

**KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM   
CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**của dự án ***sản xuất các thiết bị thảm điện, tấm lót điện, chăn điện, thiết bị sưởi ấm chân với công suất 988.000 sản phẩm/năm***

**1. Địa điểm thực hiện dự án:** KCN Nhơn Trạch I

**2. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường:** số … ngày... tháng... năm... của...

**3. Chủ dự án:** ***Công ty TNHH ABC***

- Địa chỉ liên hệ: ***Lô 5, đường số 6, KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai***

- Điện thoại: ….; Fax: …; E-mail: ...

**4. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm (\*):**

*(Đưa ra danh mục các công trình xử lý chất thải của dự án phải hoàn thành trước khi dự án hoặc hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án đi vào vận hành chính thức kèm theo thời gian biểu dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm).*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - …; - Lưu: … | (4) *(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)* |

*Ghi chú:*

*(1) Chủ dự án; (2) Cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; (3) Tên đầy đủ của dự án; (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án;*

*(\*) Việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải kéo dài không quá sáu (06) tháng, kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.*

**PHỤ LỤC 3.1**

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA, XÁC NHẬN HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH DỰ ÁN  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Công ty TNHH AB***C  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: … V/v đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án *(hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án)* | *(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...* |

Kính gửi: Ban Quản lý các KCN

Chúng tôi là: ***Công ty TNHH AB***C, chủ dự án của dự án ***sản xuất các thiết bị thảm điện, tấm lót điện, chăn điện, thiết bị sưởi ấm chân với công suất 988.000 sản phẩm/năm*** (sau đây gọi tắt là dự án), đã được ***Ban Quản lý các KCN*** phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số... ngày... tháng... năm...

- Địa điểm thực hiện dự án: ***KCN Nhơn Trạch I***

- Địa chỉ liên hệ: ***Lô 5, đường số 6, KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai***

- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Đã thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án *(hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án)* gồm có:

1...

2...

…

*(Lưu ý: ghi rõ các hạng mục/phân kỳ của dự án đang đề nghị xác nhận hoàn thành công trình xử lý môi trường)*

Gửi đến quý ***Ban Quản lý các KCN*** hồ sơ gồm:

- Một (01) bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được (4) phê duyệt;

- Bảy (07) bản báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án *(trường hợp dự án nằm trên diện tích đất của từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên, phải gửi thêm số lượng báo cáo bằng số lượng các tỉnh tăng thêm, hoặc số lượng tăng thêm theo yêu cầu của (2) để phục vụ công tác kiểm tra);*

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các thông tin, số liệu được đưa ra trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị quý ***cơ quan*** kiểm tra, xác nhận việc ***Công ty TNHH AB***C đã hoàn thành công trình, bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án *(hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án)*./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - …; - Lưu: … | ***Công ty TNHH AB***C (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) |

*Ghi chú:*

*(1) Chủ dự án;*

*(2) Tên cơ quan có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận;*

*(3) Tên đầy đủ của dự án;*

*(4) Cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;*

*(5) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.*

**PHỤ LỤC 3.2**

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH CỦA DỰ ÁN  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

|  |  |
| --- | --- |
| (1) **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: … | *(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...* |

Kính gửi: **Ban Quản lý các KCN**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH**của Dự án ***sản xuất các thiết bị thảm điện, tấm lót điện, chăn điện, thiết bị sưởi ấm chân với công suất 988.000 sản phẩm/năm***

**1. Thông tin chung về dự án:**

Tên chủ dự án: ***Công ty TNHH AB***C

Địa chỉ văn phòng: ***Lô 5, đường số 6, KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai***

Điện thoại: ……………. Fax: …………….. E-mail:

Địa điểm thực hiện dự án: ***KCN Nhơn Trạch I***

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... ***Ban Quản lý các KCN***

**2. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án** ***(hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án)* đã hoàn thành**

**2.1. Công trình xử lý nước thải**

**2.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải, thoát nước** *(cần mô tả rõ các thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước; vị trí của các công trình này kèm theo sơ đồ minh họa)*

**2.1.2. Công trình xử lý nước thải đã được xây lắp:** *(cần mô tả rõ quy trình công nghệ, quy mô công suất, các thông số kỹ thuật của công trình, các thiết bị đã được xây lắp)*

**1.2.3. Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải** *(cần nêu rõ tên và địa chỉ liên hệ của đơn vị thực hiện việc đo đạc, lấy mẫu phân tích về môi trường: thời gian, phương pháp, khối lượng mẫu giả định được tạo lập (nếu có); thời gian tiến hành đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu; thiết bị, phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu được sử dụng)*

Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải được trình bày theo mẫu bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; Tiêu chuẩn, Quy chuẩn đối chiếu. | Lưu lượng thải *(Đơn vị tính*) | Thông số ô nhiễm đặc trưng (\*) của dự án | | | | | |
| Thông số A *(Đơn vị tính)* | | Thông số B *(Đơn vị tính)* | | *v.v...* | |
| Trước khi xử lý | Sau khi xử lý | Trước khi xử lý | Sau khi xử lý | Trước khi xử lý | Sau khi xử lý |
| Lần 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| **TCVN/QCVN** ……………. |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú:*

*(\*) Thông số ô nhiễm đặc trưng của dự án là những thông số ô nhiễm do dự án trực tiếp hoặc gián tiếp tạo ra.*

**2.2. Công trình xử lý bụi, khí thải:** *cần liệt kê đầy đủ các công trình; biện pháp xử lý bụi, khí thải đã được xây lắp; nguồn gốc và hiệu quả xử lý của các thiết bị xử lý bụi, khí thải chính đã được lắp đặt; kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý bụi, khí thải và thống kê dưới dạng bảng tương tự như đối với nước thải (trừ cột trước khi xử lý).*

**2.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn:** *mô tả công trình lưu giữ chất thải rắn; làm rõ quy mô, các thông số kỹ thuật kèm theo thiết kế chi tiết của các công trình xử lý chất thải rắn trong trường hợp chủ dự án tự xử lý.*

**2.4. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**: *mô tả công trình lưu giữ chất thải nguy hại; làm rõ quy mô, các thông số kỹ thuật kèm theo thiết kế chi tiết của các công trình xử lý chất thải rắn trong trường hợp chủ dự án tự xử lý.*

**2.5. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và các công trình bảo vệ môi trường khác:** *(nếu có)*

**3. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án đã được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt** *(kết quả trình bày cần thể hiện dưới dạng bảng có thuyết minh kèm theo, trong đó nêu rõ những nội dung đã được điều chỉnh, thay đổi và văn bản đồng ý/cho phép của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên công trình bảo vệ môi trường | Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM | Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện | Văn bản đồng ý/cho phép của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM |
| 1. | … | … | … |  |
| 2... | … | … | … |  |

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - …; - Lưu: … | (4) (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) |

*Ghi chú:*

*(1) Chủ dự án; (2) Tên cơ quan kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; (3) Tên đầy đủ, chính xác của dự án hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án (3); (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.*

*Phụ lục kèm theo báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án, bao gồm các tài liệu sau (tùy loại hình dự án và từng dự án cụ thể mà có thể có một số hoặc tất cả các tài liệu này):*

*- Các bản vẽ kỹ thuật hoặc hồ sơ thuyết minh công trình bảo vệ môi trường;*

*- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các thiết bị xử lý môi trường đồng bộ nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa;*

*- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải;*

*- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thay đổi, điều chỉnh báo cáo ĐTM của dự án;*

*- Biên bản nghiệm thu các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường.*

**PHỤ LỤC 5.4**

MẪU TRANG BÌA CỦA KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Công ty TNHH AB***C  **KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG** của dự án ***“sản xuất các thiết bị thảm điện, tấm lót điện, chăn điện, thiết bị sưởi ấm chân với công suất 988.000 sản phẩm/năm” của Công ty TNHH ABC tại Lô 5, đường số 6, KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai*** .   |  |  | | --- | --- | | Đại diện (\*) (ký, ghi họ tên, đóng dấu (nếu có)) | Đại diện đơn vị tư vấn (nếu có) (\*) (ký, ghi họ tên, đóng dấu) |   Tháng ... năm 20... |

*Ghi chú: (1) Chủ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; (2) Tên dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.*

*(\*) Chỉ thể hiện tại trang phụ bìa.*

**PHỤ LỤC 5.6**

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

***Nhơn Trạch, ngày 20 tháng 11 năm 2017***

Kính gửi: ***Ban Quản lý các KCN Đồng Nai***

***Công ty TNHH ABC*** gửi đến ***Ban Quản lý các KCN Đồng Nai*** kế hoạch bảo vệ môi trường để đăng ký với các nội dung sau đây:

**I. Thông tin chung**

***1.1. Tên dự án, cơ sở*** *(gọi chung là dự án):* ***“sản xuất các thiết bị thảm điện, tấm lót điện, chăn điện, thiết bị sưởi ấm chân với công suất 988.000 sản phẩm/năm” của Công ty TNHH ABC tại Lô 5, đường số 6, KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai*** .

***1.2. Tên chủ dự án:****.* ***Công ty TNHH ABC***

***1.3. Địa chỉ liên hệ: Lô 5, đường số 6, KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai*** .

***1.4. Người đại diện theo pháp luật*: *Ông Nguyễn Văn A***

***1.5. Phương tiện liên lạc với chủ dự án:*** (Điện thoại: Fax***: 12345***; E-mail: ***abc@gmail.com***).

**II. Thông tin cơ bản về hoạt động sản xuất, kinh doanh**

2.1. Địa điểm thực hiện dự án: ***KCN Nhơn Trạch I***

2.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; sản phẩm và số lượng: ***sản xuất các thiết bị thảm điện, tấm lót điện, chăn điện, thiết bị sưởi ấm chân với công suất 988.000 sản phẩm/năm***

2.4. Diện tích mặt bằng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (m2): ***30.000 m2.***

2.5. Nhu cầu nguyên liệu, vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất:

…………………………………………………………………………………………

2.6. Nhiên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất (dầu, than, củi, gas, điện...)

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

**III. Kế hoạch bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Yếu tố gây tác động | Tình trạng | | Biện pháp giảm thiểu | Tình trạng | |
| Có | Không | Có | Không |
| Khí thải từ các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công |  |  | Sử dụng phương tiện, máy móc thi công đã qua kiểm định |  |  |
| Sử dụng loại nhiên liệu ít gây ô nhiễm |  |  |
| Định kỳ bảo dưỡng phương tiện, thiết bị |  |  |
| Biện pháp khác:  … |  |  |
| Bụi |  |  | Cách ly, phun nước để giảm bụi |  |  |
| Biện pháp khác:  … |  |  |
| Nước thải sinh hoạt |  |  | Thu gom, tự xử lý trước khi thải ra môi trường (chỉ rõ nguồn tiếp nhận nước thải) |  |  |
| Thu gom, thuê đơn vị có chức năng để xử lý |  |  |
| Đổ thẳng ra hệ thống thoát nước thải khu vực |  |  |
| Biện pháp khác: |  |  |
| Nước thải xây dựng |  |  | Thu gom, xử lý trước khi thải ra môi trường (chỉ rõ nguồn tiếp nhận nước thải) |  |  |
| Đổ thẳng ra hệ thống thoát nước thải khu vực |  |  |
| Biện pháp khác:  … |  |  |
| Chất thải rắn xây dựng |  |  | Thu gom để tái chế hoặc tái sử dụng |  |  |
| Tự đổ thải tại các địa điểm quy định của địa phương (chỉ rõ địa điểm) |  |  |
| Thuê đơn vị có chức năng để xử lý |  |  |
| Biện pháp khác:  … |  |  |
| Chất thải rắn sinh hoạt |  |  | Tự đổ thải tại các địa điểm quy định của địa phương (chỉ rõ địa điểm) |  |  |
| Thuê đơn vị có chức năng để xử lý |  |  |
| Biện pháp khác:  … |  |  |
| Chất thải nguy hại |  |  | Thuê đơn vị có chức năng để xử lý |  |  |
| Biện pháp khác:  … |  |  |
| Tiếng ồn |  |  | Định kỳ bảo dưỡng thiết bị |  |  |
| Bố trí thời gian thi công phù hợp |  |  |
| Biện pháp khác  … |  |  |
| Rung |  |  | Định kỳ bảo dưỡng thiết bị |  |  |
| Bố trí thời gian thi công phù hợp |  |  |
| Biện pháp khác |  |  |
| Nước mưa chảy tràn |  |  | Có hệ thống rãnh thu nước, hố ga thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra môi trường |  |  |
| Biện pháp khác  … |  |  |

**IV. Kế hoạch bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Yếu tố gây tác động | Tình trạng | | Biện pháp giảm thiểu | Tình trạng | |
| Có | Không | Có | Không |
| Bụi và khí thải |  |  | Lắp đặt hệ thống xử lý bụi và khí thải với ống khói |  |  |
|  |  | Lắp đặt quạt thông gió với bộ lọc không khí ở cuối đường ống |  |  |
|  |  | Biện pháp khác  … |  |  |
| Nước thải sinh hoạt |  |  | Thu gom và tái sử dụng |  |  |
|  |  | Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung |  |  |
|  |  | Biện pháp khác  … |  |  |
| Nước thải sản xuất |  |  | Thu gom và tái sử dụng |  |  |
|  |  | Xử lý nước thải cục bộ và thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung |  |  |
|  |  | Xử lý nước thải đáp ứng quy chuẩn quy định và thải ra môi trường (chỉ rõ nguồn tiếp nhận và quy chuẩn đạt được sau xử lý) |  |  |
|  |  | Biện pháp khác  … |  |  |
| Nước thải từ hệ thống làm mát |  |  | Thu gom và tái sử dụng |  |  |
| Giải nhiệt và thải ra môi trường |  |  |
| Biện pháp khác  … |  |  |
| Chất thải rắn |  |  | Thu gom để tái chế hoặc tái sử dụng |  |  |
| Tự xử lý |  |  |
| Thuê đơn vị có chức năng để xử lý |  |  |
| Biện pháp khác  … |  |  |
| Chất thải nguy hại |  |  | Thuê đơn vị có chức năng để xử lý |  |  |
| Biện pháp khác  … |  |  |
| Mùi |  |  | Lắp đặt quạt thông gió |  |  |
| Biện pháp khác  … |  |  |
| Tiếng ồn |  |  | Định kỳ bảo dưỡng thiết bị |  |  |
| Cách âm để giảm tiếng ồn |  |  |
| Biện pháp khác  … |  |  |
| Nhiệt dư |  |  | Lắp đặt quạt thông gió |  |  |
| Biện pháp khác  … |  |  |
| Nước mưa chảy tràn |  |  | Có hệ thống rãnh thu nước, hố ga thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra môi trường |  |  |
| Biện pháp khác |  |  |

**V. Cam kết**

5.1. Chúng tôi/tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

5.2. Chúng tôi/tôi cam kết thực hiện đầy đủ các kế hoạch bảo vệ môi trường được nêu trên đây.

5.3. Chúng tôi/tôi đảm bảo độ trung thực của các thông tin và nội dung điền trong kế hoạch bảo vệ môi trường này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ***Công ty TNHH ABC*** (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu (nếu có) |

*Ghi chú: (1) Cơ quan xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; (2) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.*

*Yêu cầu: Bản kế hoạch bảo vệ môi trường được lập thành ba (03) bản gốc, có chữ ký của chủ dự án ở phía dưới từng trang và ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu (nếu có) ở trang cuối cùng.*

**THỦ TỤC LIÊN THÔNG CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 1, SỐ 2 – CẤP GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI**

**Mẫu số 7:** *Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 11/2016/NĐ-CP.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Công ty TNHH Kỹ thuật Bueno**  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc --------------** |
| Số: 03/GPLĐ V/v cấp/cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài | *Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2017* |

Kính gửi: ***Ban Quản lý các KCN Đồng Nai***

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức:***Công ty TNHH Kỹ thuật Bueno***

2. Loại hình doanh nghiệp/tổ chức *(doanh nghiệp trong nước/doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài/cơ quan, tổ chức/nhà thầu):* ***doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài***

3. Tổng số lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức: ***5.500 người***

Trong đó số lao động nước ngoài là: ***5 người***

4. Địa chỉ: ***KCN Nhơn Trạch III***

5. Điện thoại: ***0613-892307*** Email *(nếu có)*: ***hongltt@ abcd.com***

7. Giấy phép kinh doanh (hoạt động) số: ***047223132***

Cơ quan cấp: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai Có giá trị đến ngày: ***2049***

Lĩnh vực kinh doanh (hoạt động): ***Sản xuất, gia công linh kiện điện tử***

8. Người nộp hồ sơ của doanh nghiệp/tổ chức để liên hệ khi cần thiết *(số điện thoại, email):* ***Lê Thị Thu Hồng – 0909.123456;***  ***hongltt@ abcd.com***

Căn cứ văn bản thông báo chấp thuận vị trí công việc sử dụng người lao động nước ngoài số ***153/TB-KCNĐN ngày 27/12/2016 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai***, ***Công ty TNHH Kỹ thuật Bueno*** đề nghị cấp/cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài, cụ thể như sau:

9. Họ và tên (chữ in hoa): ***SUN TZU CHUNG***

10. Ngày, tháng, năm sinh: ***31/01/1970*** . 11. Giới tính (Nam/Nữ): ***Nam***

12. Quốc tịch: ***Trung Quốc (Đài Loan)***

13. Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số: ***312544361***

Cơ quan cấp: ***Bộ ngoại giao Taiwan***. Có giá trị đến ngày: ***20/11/2026***

14. Trình độ chuyên môn (tay nghề) *(nếu có)*: ***Kỹ sư và xác nhận 20 năm kinh nghiệm***

15. Làm việc tại doanh nghiệp/tổ chức: ***Công ty TNHH******Kỹ thuật Bueno***

16. Địa điểm làm việc: ***KCN Nhơn Trạch III***

17. Vị trí công việc: ***Chuyên gia***

18. Chức danh công việc: ***Phó Giám đốc kỹ thuật***

19. Hình thức làm việc *(nêu cụ thể theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016):* ***Di chuyển nội bộ***

20. Mức lương: ***40.000.000VNĐ***

21. Thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm)* ***01/02/2020*** đến ngày 31/01/2023.

22. Nơi đăng ký nhận giấy phép lao động: ***Tổ tiếp nhận – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai***

23. Lý do đề nghị *(chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép lao động):* *gia hạn thời hạn làm việc*

I. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO (2)

- Năm 1988-1993: đào tạo chuyên ngành thiết kế thời trang Trường Đại học Busan

II. QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC (3)

24. Nơi làm việc

- Nơi làm việc lần 1: ***Công ty TNHH*** ***Bueno***

+ Địa điểm làm việc: ***Taiwan***

+ Vị trí công việc: ***Chuyên gia***

+ Chức danh công việc: ***Phó Giám đốc kỹ thuật***

+ Thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm)*: 1990 - 2020

- Nơi làm việc lần 2: ...................................................................

+ Địa điểm làm việc: ..............................................................

+ Vị trí công việc: ...................................................

+ Chức danh công việc: ................................................

+ Thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm)*.....................................

- Nơi làm việc cuối cùng hoặc hiện tại: ***Công ty Bueno*** ***Co, Ltd***

+ Địa điểm làm việc: ***Taiwan***

+ Vị trí công việc: ***Chuyên gia***

+ Chức danh công việc: ***P. Giám đốc kỹ thuật***

+ Thời hạn làm việc từ *(ngày/tháng/năm)* đến *(ngày/tháng/năm)*: 1990 - nay

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên; - Lưu đơn vị | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC** *(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Mẫu số 03/2013/TT-LLTP***

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP**

*(Dùng cho cá nhân có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp)*

Kính gửi: ***Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai***.

1. Tên tôi là[[9]](#endnote-1):...................... ***HUỲNH SIỂU NHIÊN***

2. Tên gọi khác (nếu có):....***Không*** ........................................3. Giới tính :..***Nữ***...

4. Ngày, tháng, năm sinh: ***24/03/2989***

5. Nơi sinh[[10]](#endnote-2): ***Đồng Nai***

6. Quốc tịch: ***Việt Nam*** 7. Dân tộc: ***Kinh***.

8. Nơi thường trú 3: ***Ấp Tân Xuân – xã Bảo Bình - huyện Cẩm Mỹ – tỉnh Đồng Nai***.

9. Nơi tạm trú4:

10. Giấy CMND/Hộ chiếu : ***CMND***  5Số: ***27179500***

Cấp ngày ***17 tháng 11 năm 2016***. Tại: ***Công an tỉnh Đồng Nai***.

11. Họ tên cha: ***Huỳnh Gia Khánh***. Ngày/tháng/năm sinh :***28/12/1963***

12. Họ tên mẹ: ***Lâm A Kính***. Ngày/tháng/năm sinh : ***24/5/1967***.

13.Họ tên vợ/chồng: ***Chiu Chun Yen.*** Ngày/tháng/năm sinh: ***03/11/1985***

11. Số điện thoại/e-mail: ***0938703160***.

**QUÁ TRÌNH CƯ TRÚ CỦA BẢN THÂN**

(Tính từ khi đủ 14 tuổi)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Từ tháng, năm  đến tháng, năm | Nơi thường trú/ Tạm trú | Nghề nghiệp, nơi làm việc6 |
| ***2003 - 2008*** | ***Ấp Tân Xuân – xã Bảo Bình - huyện Cẩm Mỹ – tỉnh Đồng Nai***. | ***Học sinh trường THPH Nguyễn Xiển*** |
| ***2009 - 2017*** | ***Thị xã Tân An– tỉnh Bình Dương*** | ***Công nhân tại Bình Dương*** |

Phần khai về án tích, nội dung bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):

X

Yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp7:  **Số 1**  **Số 2**

Yêu cầu xác nhận về nội dung cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản (trong trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp **số 1**): Có Không

x

Mục đích yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp: ***Làm hồ sơ xuất cảnh đi Đài Loan***

Số lượng Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp: ***02*** Phiếu.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời khai của mình.

*Đồng Nai, ngày* ***10*** *tháng* ***4*** *năm* ***2017***

**Người khai**

*(Ký, ghi rõ họ tên*)

***HUỲNH SIỂU NHIÊN***

***Mẫu số 03/2013/TT-LLTP***

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP**

*(Dùng cho cá nhân có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp)*

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai

1. Tên tôi là[[11]](#endnote-3):...................... ***SUN TZU CHUNG***..........................................

2. Tên gọi khác (nếu có):....***Không*** ........................................3. Giới tính :..***Nam***...

4. Ngày, tháng, năm sinh: ***31/01/1970***

5. Nơi sinh[[12]](#endnote-4): ***Khu Đông – TP.Tai Nan - Taiwan***

6. Quốc tịch: ***Trung Quốc (Đài Loan)*** 7. Dân tộc: ***Hoa***.

8. Nơi thường trú 3: ***5F, số 4111, hẻm 139, đường Jen He, khu Đông, TP. TaiNan, Taiwan***.

9. Nơi tạm trú4: ***Công ty TNHH Kỹ thuật Bueno. KCN Nhơn Trạch III, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai***.

10. Giấy CMND/Hộ chiếu : ***Hộ chiếu***  5Số: ***312544361***

Cấp ngày ***23 tháng 02 năm 2016***. Tại: ***Bộ ngoại giao Taiwan***.

11. Họ tên cha: ***Sun Chuan Hui***. Ngày/tháng/năm sinh : ***28/4/1929***

12. Họ tên mẹ: ***Sun Hsu Chiu Hua***. Ngày/tháng/năm sinh : ***25/10/1946***.

13.Họ tên vợ/chồng: ***Hsu Ya Wen*** Ngày/tháng/năm sinh: ***26/02/1973***

11. Số điện thoại/e-mail: ***0902697222***.

**QUÁ TRÌNH CƯ TRÚ CỦA BẢN THÂN**

(Tính từ khi đủ 14 tuổi)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Từ tháng, năm  đến tháng, năm | Nơi thường trú/ Tạm trú | Nghề nghiệp, nơi làm việc6 |
| ***Tứ 9/1985 đến 6/1988*** | ***Số 444, đường Kai Yuan, khu Bắc, TP.TaiNan, Taiwan*** | ***Học sinh trường THPH Keun Shan*** |
| ***Từ 9/1990 đến nay*** | ***Số 17, đường Gong Ye, khu Guan Tian, TP.Tainan, Taiwan*** | ***Phó Giám đốc sản xuất công ty Bueno Technology Co, Ltd.*** |
|  |  |  |
|  |  |  |

Phần khai về án tích, nội dung bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có): ***Không có***.

Yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp7:  **Số 1**  **Số 2**

X

Yêu cầu xác nhận về nội dung cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản (trong trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1): Có Không

X

Mục đích yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp: ***Cấp giấy phép lao động.***

Số lượng Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp: ***02*** Phiếu.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời khai của mình.

Đồng Nai*, ngày* ***23*** *tháng 3 năm* ***2020***

**Người khai**

*(Ký, ghi rõ họ tên*)

***SUN TZU CHUNG***

1. 1 Thương nhân lựa chọn cấp hoặc cấp lại (việc cấp lại áp dụng cho trường hợp cấp lại theo Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP).

   2 Thương nhân tự khai báo trên cơ sở thứ tự các Văn phòng đại diện đã được cấp phép trước đó.

   3 Trường hợp người đứng đầu Văn phòng đại diện là người Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân, chỉ kê khai họ và tên, số định danh cá nhân [↑](#footnote-ref-1)
2. Trong trường hợp thương nhân không có dấu, đơn phải kèm theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân đăng ký thành lập chứng thực chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài. Văn bản này phải được hợp pháp hoá lãnh sự và dịch ra tiếng Việt theo quy định tại khoản 3 Mục I Thông tư số 11/2006/TT-BTM. [↑](#footnote-ref-2)
3. Tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh ghi như sau: Tên văn phòng đại diện + Tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt Văn phòng đại diện/ Chi nhánh (trong trường hợp thương nhân có từ 02 VPĐD/CN trở lên) hoặc Tên Văn phòng đại diện/ Chi nhánh + tại Việt Nam (trong trường hợp thương nhân chỉ có 01 VPĐD/CN tại Việt Nam). [↑](#footnote-ref-3)
4. Trong trường hợp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 10 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP, người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh được quyền đứng tên ký đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập. Trong trường hợp thương nhân đứng tên ký đơn nhưng không có dấu, đơn phải kèm theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân đăng ký thành lập chứng thực chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài. Văn bản này phải được hợp pháp hoá lãnh sự và dịch ra tiếng Việt theo quy định tại khoản 3 Mục I Thông tư số 11/2006/TT-BTM. [↑](#footnote-ref-4)
5. Tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh ghi như sau: Tên văn phòng đại diện + Tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt Văn phòng đại diện/ Chi nhánh (trong trường hợp thương nhân có từ 02 VPĐD/CN trở lên) hoặc Tên Văn phòng đại diện/ Chi nhánh + tại Việt Nam (trong trường hợp thương nhân chỉ có 01 VPĐD/CN tại Việt Nam). [↑](#footnote-ref-5)
6. Trong trường hợp mất, rách, tiêu huỷ theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP, người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh được quyền đứng tên ký đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập. Trong trường hợp thương nhân đứng tên ký đơn nhưng không có dấu, đơn phải kèm theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân đăng ký thành lập chứng thực chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài. Văn bản này phải được hợp pháp hoá lãnh sự và dịch ra tiếng Việt theo quy định tại khoản 3 Mục I Thông tư số 11/2006/TT-BTM. [↑](#footnote-ref-6)
7. Tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh ghi như sau: Tên văn phòng đại diện + Tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt Văn phòng đại diện/ Chi nhánh (trong trường hợp thương nhân có từ 02 VPĐD/CN trở lên) hoặc Tên Văn phòng đại diện/ Chi nhánh + tại Việt Nam (trong trường hợp thương nhân chỉ có 01 VPĐD/CN tại Việt Nam). [↑](#footnote-ref-7)
8. Trong trường hợp thương nhân không có dấu, đơn phải kèm theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân đăng ký thành lập chứng thực chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài. Văn bản này phải được hợp pháp hoá lãnh sự và dịch ra tiếng Việt theo quy định tại khoản 3 Mục I Thông tư số 11/2006/TT-BTM. [↑](#footnote-ref-8)
9. *Ghi chú:*

   Viết bằng chữ in hoa, đủ dấu. [↑](#endnote-ref-1)
10. Ghi rõ xã/phường, huyện/quận, tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương.

    3, 4 Trường hợp có nơi thường trú và nơi tạm trú thì ghi cả hai nơi.

    5 Ghi rõ là chứng minh nhân dân hay hộ chiếu.

    6 Đối với người đã từng là quân nhân tại ngũ, công chức, công nhân quốc phòng, quân nhân dự bị, dân quân tự vệ thì ghi rõ chức vụ trong thời gian phục vụ trong quân đội.

    7 **Phiếu lý lịch tư pháp số 1** là Phiếu ghi các án tích chưa được xóa và không ghi các án tích đã được xóa; thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã chỉ ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp số 1 khi cá nhân, cơ quan, tổ chức có yêu cầu.

    **Phiếu lý lịch tư pháp số 2** là Phiếu ghi đầy đủ các án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã. [↑](#endnote-ref-2)
11. *Ghi chú:*

    Viết bằng chữ in hoa, đủ dấu. [↑](#endnote-ref-3)
12. Ghi rõ xã/phường, huyện/quận, tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương.

    3, 4 Trường hợp có nơi thường trú và nơi tạm trú thì ghi cả hai nơi.

    5 Ghi rõ là chứng minh nhân dân hay hộ chiếu.

    6 Đối với người đã từng là quân nhân tại ngũ, công chức, công nhân quốc phòng, quân nhân dự bị, dân quân tự vệ thì ghi rõ chức vụ trong thời gian phục vụ trong quân đội.

    7 **Phiếu lý lịch tư pháp số 1** là Phiếu ghi các án tích chưa được xóa và không ghi các án tích đã được xóa; thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã chỉ ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp số 1 khi cá nhân, cơ quan, tổ chức có yêu cầu.

    **Phiếu lý lịch tư pháp số 2** là Phiếu ghi đầy đủ các án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã. [↑](#endnote-ref-4)